



# THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG



**75** NĂM  
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM  
VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(1945 - 2020)



- ◆ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
- ◆ PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- ◆ ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO





# Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Đ/c Trần Văn Hiệp, Phó Bí thư Tỉnh ủy báo cáo nội dung “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và công tác tổ chức Đại hội Đảng các cấp” cho cán bộ, viên chức và học viên Trường Chính trị Lâm Đồng.

PGS, TS Phạm Minh Tuấn, Giám đốc Học viện chính trị khu vực II, trao bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị C15, hệ không tập trung tại Lâm Đồng.



Đ/c Nguyễn Vĩnh Phúc, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng, trao bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho học viên.



- |  |    |
|--|----|
| ❖ <b><i>Đinh Công Tuyển</i></b> - Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đổi mới công tác lãnh đạo, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.                    | 5  |
| ❖ <b><i>Hoàng Thị Như Quỳnh</i></b> - Tư tưởng của Lenin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.                  | 8  |
| ❖ <b><i>Phạm Hồng Hải</i></b> - Tư tưởng đại đoàn kết trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  | 11 |
| ❖ <b><i>Phạm Văn Biển</i></b> - Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 14 |
| ❖ <b><i>Nguyễn Thế Nguyên</i></b> - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc qua các văn kiện của Đảng từ năm 1986 đến nay.                                     | 18 |
| ❖ <b><i>Nguyễn Văn Phước</i></b> - Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong tình hình mới.                            | 22 |
| ❖ <b><i>Tô Văn Bẩy</i></b> - Nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay. | 26 |
| ❖ <b><i>Đoàn Quang Duy Tuấn</i></b> - Nâng cao chất lượng bài viết nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng.          | 30 |
| ❖ <b><i>Cần Hoàng Vân Hương</i></b> - Những điểm mới của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức có hiệu từ ngày 01/7/2020.                                       | 32 |
| ❖ <b><i>Lưu Thị Xuân</i></b> - Vai trò của gia đình đối với đời sống xã hội.   | 37 |



❖ <i>Nguyễn Chí Hòa</i> - Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc xây dựng và củng cố chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám.	39
❖ <i>Nguyễn Thị Khánh Linh</i> - Tài năng và sáng tạo nguồn sức mạnh làm chủ tập thể của thanh niên.	43

### MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

❖ <i>Lê Quang Sơn</i> - Thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn hiện nay.	45
❖ <i>Chu Thị Thu Trang</i> - Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng tổng kết phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung tay xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011 - 2020.	48
❖ <i>Ngô Thị Hồng Loan</i> - Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay.	53
❖ <i>Liễu Văn Bảo</i> - Lâm Đồng thực hiện phong trào thi đua "Cùng cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới".	56
❖ <i>Bành Ngọc Hải Quyên</i> - Một vài nét về kinh tế tập thể của tỉnh Lâm Đồng trong năm 2020	61

### TIN TỨC - SỰ KIỆN

❖ <i>Kiều Hoài Sơn</i> - Cách mạng Tháng Tám - khát vọng độc lập của dân tộc Việt Nam.	64
❖ <i>Ngô Thị Thu Hằng</i> - Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công - mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam.	67
❖ <i>Cao Trọng Tuệ, Lê Viêt Lâm</i> - Một số kết quả về công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học đến tháng 9 năm 2020.	70



**ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG ĐỔI MỚI  
CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, THỰC HIỆN THẮNG LỢI  
CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO**

*ThS Đinh Công Tuyển \**

**Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Lâm Đồng. Hiện tại, Đảng bộ nhà trường có 05 chi bộ trực thuộc, với 34 đảng viên, đang sinh hoạt tại các khoa phòng; bên cạnh đó, còn có các Chi bộ sinh hoạt tạm thời tại các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính hệ tập trung. Thời gian qua, Đảng ủy đã chủ động phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện các lĩnh vực, qua đó đạt nhiều dấu ấn nổi trội trên những nhiệm vụ cơ bản, thực hiện thắng lợi các yêu cầu mà Tỉnh ủy Lâm Đồng giao.**

**L**ãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị luôn đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn mới, Đảng ủy đã lãnh đạo nhà trường làm tốt công tác tư tưởng chính trị, bám sát kế hoạch được giao, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Chất lượng giảng dạy của giảng viên ngày càng được nâng cao với 100% giảng viên đứng lớp đều đáp ứng về trình độ chuyên môn, sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực; phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đã làm tốt công tác quản lý lớp học, học viên, chế độ thi, kiểm tra được thực hiện nghiêm túc đúng theo quy chế, đã áp dụng phần mềm quản lý đào tạo, góp phần rút ngắn quy trình vào điểm thi; phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu luôn chủ động trong các công tác phục vụ, đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ. Do vậy, hằng năm số lượng các lớp ngày càng nhiều, chất lượng học tập của học viên không ngừng được nâng lên. Giai đoạn 2015 – 2020, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, nhà trường đã tổ chức được tổng số 360 lớp với 27.097 học viên, gấp 2 lần so với 5 năm trước; tỷ lệ học viên các lớp tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị - hành chính đạt yêu cầu trên 95%, trong đó khá giỏi đạt trên 60%.

Song song với các hoạt động trên, Đảng ủy đã lãnh đạo nhà trường đổi mới hoạt động

nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn, vì thế chất lượng hoạt động khoa học ngày càng nâng cao. Từ năm 2015 đến nay, nhà trường triển khai nghiệm thu 12 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và giới thiệu cán bộ, giảng viên tham gia 02 đề tài cấp tỉnh; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Học viện Chính trị khu vực II tổ chức 16 Hội thảo khoa học cấp tỉnh, 10 Hội thảo khoa học cấp trường; xuất bản 15 số Bản tin “*Thông tin lý luận và Thực tiễn*”. Trong 5 năm qua, nhà trường đã cử 04 giảng viên đi thi giảng viên dạy giỏi cấp Học viện, cả 04 đồng chí đều được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh công nhận giảng viên dạy giỏi, trong đó có 01 đồng chí được tặng Bằng khen giảng viên dạy giỏi xuất sắc. Trong 02 lần tổ chức hội thi học viên học giỏi lý luận chính trị vào năm 2017 và 2019, 100% học viên các lớp học đều đạt danh hiệu “*Học viên học giỏi lý luận chính trị*”, trong đó đều có các tập thể, cá nhân xuất sắc được nhà trường tặng giấy khen. Công tác nghiệm thu việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng được tiến hành có hiệu quả, góp phần cung cấp tài liệu cập nhật kiến thức phục vụ học tập của học viên. Các khoa đã triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch nghiên cứu thực tế hằng năm; hướng dẫn các lớp Trung cấp LLCT-HC đi nghiên cứu thực tế cuối khóa.

Công tác hành chính, quản trị, thông tin, tư liệu luôn được sự lãnh đạo kịp thời, toàn diện của Đảng ủy như chuẩn bị tốt về các điều

kiện cơ sở vật chất; kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; quy chế xét, công nhận sáng kiến; sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và các phòng, khoa phù hợp với quy định do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành; quy định văn hóa ứng xử nơi công sở; bổ sung kịp thời các đầu sách nghiên cứu, tham khảo và giáo trình học tập vào thư viện để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên; duy trì hoạt động trang thông tin điện tử Trường Chính trị.

**Công tác xây dựng Đảng được tăng cường cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; các nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt Đảng được thực hiện nghiêm, tính tiên phong của đội ngũ đảng viên được phát huy.**

Mục tiêu xuyên suốt của công tác xây dựng Đảng ở Đảng bộ trường chính trị thời gian qua là không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở, nền tảng để bồi dưỡng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản lĩnh chính trị, cho cán bộ, viên chức, người lao động và học viên. Hằng năm, luôn có 100% cán bộ, đảng viên tham gia học tập Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy; tham gia nghe thông tin thời sự về tình hình trong nước và quốc tế do các đồng chí lãnh đạo tỉnh và Trung ương phổ biến. Đảng ủy nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết TW 4 Khóa XII, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, trên cơ sở đó, tất cả đảng viên trong Đảng bộ đã thực hiện tốt cam kết không vi phạm 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; không vi phạm những điều đảng viên không được làm; cán bộ, đảng viên đều đăng ký các nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với công việc cụ thể được giao. Đảng bộ đã xây dựng được gương điển hình tiên tiến trong việc đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó kịp thời ghi nhận, động viên những cá nhân gương mẫu, đồng thời là

động lực để phát động các phong trào thi đua. Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn quan tâm nắm bắt và giải quyết kịp thời tâm tư, vướng mắc của đảng viên và quần chúng..., tạo nên sự ổn định và đồng thuận cao, không xảy ra tình trạng đơn thư tố cáo, khiếu kiện.

*Công tác xây dựng tổ chức đảng và đảng viên được Đảng ủy nhà trường quan tâm triển khai.* Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy nhà trường lãnh đạo công tác kiện toàn, sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà trường theo Quy định số 09-QĐ/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 06-QĐ/TU ngày 23/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng nhằm đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Giai đoạn 2015 - 2020, số chi bộ trực thuộc thay đổi từ 8 chi bộ còn 5 chi bộ; công tác triển khai thực hiện quy trình đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện khách quan, dân chủ. Hằng năm đều có từ 80% các chi bộ khung trở lên đạt trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ; các chi bộ tạm thời đều đạt hoàn thành nhiệm vụ trở lên; 100% đảng viên được xếp loại đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có 70 % đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, 15% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 100% hộ gia đình đảng viên, 90% trở lên hộ gia đình cán bộ viên chức đạt “gia đình văn hóa”, cơ quan đạt chuẩn “cơ quan văn hóa”... Ngoài ra, công tác phát triển đảng là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt của chi bộ mà Đảng ủy cũng như lãnh đạo nhà trường hết sức quan tâm trong công tác chỉ đạo để bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ và phát triển đảng viên mới. Các chi bộ đã chú trọng phân công trách nhiệm cho cán bộ, viên chức, người lao động thông qua các phong trào thi đua để qua đó phát hiện, lựa chọn những nhân tố tích cực bồi dưỡng phát triển đảng viên. Trong 5 năm qua, Đảng ủy đã kết nạp 5 đồng chí, số đảng viên mới đã phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu, luôn làm tốt nhiệm vụ của người



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đảng viên và đóng góp tích cực vào năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ Nhà trường.

*Công tác kiểm tra, giám sát được Đảng bộ triển khai thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phát huy vai trò của cấp ủy, các chi bộ và ủy ban kiểm tra Đảng ủy; tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên việc chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện nhiệm vụ được giao, những điều đảng viên không được làm. 5 năm qua, Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra đã kiểm tra được 13 lượt (Chi bộ khung và Chi bộ sinh hoạt tạm thời), tiến hành giám sát thường xuyên 100% các chi bộ, đảng viên, giám sát chuyên đề 13 lượt đối với các Chi bộ và Bí thư các Chi bộ. Qua kiểm tra cho thấy, không có các biểu hiện, vấn đề vi phạm xảy ra ở các chi bộ, đảng viên; những hạn chế khi được chỉ ra trong công tác lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân đã nhanh chóng được tiếp thu, chỉnh sửa, có chuyển biến tích cực.*

*Công tác lãnh đạo xây dựng chính quyền, đoàn thể cũng đạt được nhiều bước tiến. Đảng ủy đã lãnh đạo thực hiện tốt Quy chế làm việc, thể hiện rõ mối quan hệ phối hợp làm việc của cấp ủy với lãnh đạo cơ quan và các đoàn thể, qua đó tạo hiệu quả trong lãnh đạo và phối hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng, xây dựng cơ quan, đoàn thể. Nhờ vậy, nhà trường luôn đảm nhận và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, được các cấp đánh giá cao; các tổ chức đoàn thể luôn phát huy tốt được vai trò của mình trong tập hợp hội viên, đoàn viên tham gia các hoạt động phong trào. Từ năm 2015 đến nay, nhà trường được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tặng Cờ thi đua và UBND tỉnh Lâm Đồng tặng 05 Bằng khen. Các đoàn thể luôn đạt vững mạnh, vững mạnh xuất sắc trong phong trào thi đua.*

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng ủy. Đó là vai trò lãnh đạo của Đảng ủy đôi lúc còn chưa được thể hiện tốt; công tác tư tưởng còn thời điểm nắm bắt chưa toàn diện, nhất là thời điểm có sự sắp xếp về tổ chức và nhân sự theo quy định mới; triển khai học tập Nghị quyết đối với quần chúng còn chậm về thời gian; việc

triển khai Nghị quyết chuyên đề ở một số chi bộ chưa được thực hiện nghiêm túc; trong sinh hoạt chi bộ, tinh thần tự phê bình và phê bình của một số đảng viên còn chưa cao; các chi bộ học viên do sinh hoạt tạm thời nên hoạt động còn chưa thật nề nếp; việc kết nạp đảng viên mới trong một vài năm gần đây còn chậm...

Năm 2020 được đánh dấu bằng việc Đảng bộ trường chính trị đã tổ chức thành công Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Với chủ đề: *“Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết - Sáng tạo - Phát triển, xây dựng Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng trong sạch vững mạnh”*, Đảng bộ nhà trường đã xác định nhóm chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để tiếp tục thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ như: Lãnh đạo nhà trường phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn khóa và hàng năm; chú trọng lãnh đạo nâng cao công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, giảng viên; lãnh đạo nhà trường xây dựng đội ngũ giảng viên đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và cơ cấu hợp lý, khắc phục tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cục bộ như hiện nay; mạnh dạn giao nhiệm vụ, trao cơ hội cho giảng viên mới, giảng viên trẻ; quan tâm định hướng, lãnh đạo các đoàn thể đưa chất lượng đi vào chiều sâu; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất; quan tâm hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học, đa dạng hóa đề tài nghiên cứu, tổ chức tốt việc đi nghiên cứu thực tế; tăng cường lãnh đạo các đoàn thể chính trị trong Nhà trường, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng vào việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi của cán bộ, đảng viên...

Với những thành tích trên tất cả các mặt lãnh đạo của Đảng ủy trong 5 năm qua; cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong trường tin tưởng rằng, trong giai đoạn sắp tới, Đảng bộ trường sẽ luôn giữ vững được danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để lãnh đạo nhà trường ngày càng đoàn kết, ổn định, không ngừng phát triển, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao phó./.

**\* Phó Trưởng phòng TC, HC, TT, TL**

## TƯ TƯỞNG CỦA LÊNIN VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ThS Hoàng Thị Như Quỳnh\*

**T**rong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, đặc biệt là trong bộ “*Tư bản*”, Các Mác, Ph. Ăngghen đã phân tích, chứng minh rất rõ ràng, hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa sẽ không thể trụ vững trước những mâu thuẫn cố hữu, nội tại, gắn liền với nó và theo quy luật khách quan, tất yếu nó sẽ bị thay thế bởi hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Hai ông đã chỉ ra con đường dẫn dắt giai cấp công nhân đấu tranh giải phóng thoát khỏi sự nô dịch, bóc lột tư bản chủ nghĩa và tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Kế thừa và phát triển tư tưởng của C. Mác, Ăngghen, V.I. Lênin tiếp tục nhấn mạnh: Điều quan trọng nhất trong học thuyết Mác là việc làm sáng tỏ vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản với tư cách là người xây dựng, kiến tạo xã hội mới. Luận điểm này được Người chỉ rõ trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng ở nước Nga Xô viết và được nhiều nước kế thừa, vận dụng sáng tạo vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong đó có Việt Nam. Tư tưởng của Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã có những đóng góp quan trọng khi đưa ra những phân tích về giai đoạn phát triển cao của chủ nghĩa tư bản - giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Người chỉ ra khuynh hướng quá độ tất yếu của hàng loạt nước trên phạm vi toàn thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Những đóng góp to lớn của Lênin khi vận dụng sáng tạo học thuyết Mác được thể hiện dưới hai góc độ chủ yếu sau:

*Một là, phát triển lý luận mác-xít về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.* Trên cơ sở kế thừa và vận dụng sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội, trong hàng loạt tác phẩm, bài viết quan trọng, Lênin đã bảo vệ những nguyên lý

cơ bản của chủ nghĩa Mác; phát hiện và trình bày một cách có hệ thống những khái niệm, phạm trù lý luận khoa học phản ánh những quy luật, những thuộc tính bản chất chi phối sự vận động biến đổi của đời sống xã hội thời kỳ chủ nghĩa đế quốc. Cùng với việc kiên định mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, nhưng Lênin cũng chỉ rõ mục đích của giai cấp vô sản trong thời kỳ quá độ “là thiết lập chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả những thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột người. Mục đích đó, người ta không thể đạt ngay tức khắc được; muốn thế, cần có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, vì cải tổ sản xuất là việc khó khăn”<sup>(1)</sup>. Đặc biệt, Lênin không chỉ kế thừa tư tưởng về đảng cộng sản của C. Mác và Ph. Ăngghen mà còn tiếp tục xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng cũng như kiến tạo tổ chức, bộ máy của Nhà nước Xô viết.

*Hai là, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trong điều kiện cụ thể của nước Nga*

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại là mốc son chói lọi trong sự phát triển của xã hội loài người. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, một thời đại mới đã mở ra; tạo cơ hội cho nhân loại thực hiện quá độ lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã chứng thực những đột phá về lý luận trước đó của Lênin: Khả năng xuất hiện cách mạng vô sản ở một số nước, thậm chí ở một nước, về xu thế quá độ tới chủ nghĩa xã hội không qua chủ nghĩa tư



bản, về hướng tiếp cận mới đối với chủ nghĩa xã hội. Sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại và xây dựng Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, Lênin đã có nhiều cống hiến vào việc bổ sung, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ cách mạng mới, đặc biệt là việc giải quyết những vấn đề xuất hiện trong những năm đầu đầy khó khăn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tại nước Nga Xô viết. Trước tình hình mới, Lênin đã có nhiều bước đột phá về lý luận, chỉ rõ tính chất của thời kỳ quá độ, đề xuất “Chính sách kinh tế mới” (NEP).

Việc thực hiện “Chính sách kinh tế mới” của Lênin là một mẫu mực trong việc xác định đặc điểm, nội dung và nhiệm vụ, giải pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, tiến hành hàng loạt nhiệm vụ cụ thể như: Xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, thực hiện cách mạng văn hóa. Người nhấn mạnh: “Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền Xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc... Chỉ khi nào nước ta đã điện khí hóa, chỉ khi nào công nghiệp, nông nghiệp và vận tải đã đứng vững trên cơ sở kỹ thuật của đại công nghiệp hiện đại, thì lúc đó, chúng ta mới có thể đạt được thắng lợi hoàn toàn”<sup>(2)</sup>. Như vậy, thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười đã cho thấy sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác của Lênin, từ chủ nghĩa xã hội khoa học sang chủ nghĩa xã hội hiện thực và đó cũng là bước ngoặt trong hành trình giai cấp vô sản, quần chúng lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới tiến tới những giá trị dân chủ, tự do thực sự.

Ngày nay, trên cơ sở vận dụng, bổ sung, phát triển tư tưởng Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã nhận thức rõ luận điểm có tính phương pháp luận hết sức sâu sắc của Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa “tính phổ biến” và “tính đặc thù” của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên

chủ nghĩa xã hội, đó là điều không thể tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”<sup>(3)</sup>. Những luận điểm trên của Lênin luôn được Đảng ta quán triệt như một nguyên lý phương pháp luận khoa học và cách mạng của Đảng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện cụ thể như sau:

*Thứ nhất, tư tưởng của Lênin được vận dụng kiên định và sáng tạo, từng bước hình thành con đường, bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin cho phù hợp với điều kiện mới của Việt Nam, đó là những luận điểm lý luận về mục tiêu và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) đã tạo ra bước ngoặt trong đổi mới tư duy về con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Phương châm “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan là khởi nguồn cho những sáng tạo của Đảng khi xác định mô hình và bước đi trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội thừa nhận sự tồn tại khách quan của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong buổi đầu thời kỳ quá độ. Những quan điểm đổi mới về tư duy kinh tế nêu trên, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989) khẳng định và bổ sung với những bước tiến mới. Từ kinh nghiệm của 5 năm đổi mới, Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đã xác định sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đến Đại hội X, từ sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa được

nêu ra trong Cương lĩnh năm 1991, Đại hội đã bổ sung hai đặc trưng là xây dựng “xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh” và “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”.

Đến nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1-2016) tiếp tục khẳng định và phân tích sâu sắc hơn tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phù hợp hơn với thực tiễn, bối cảnh mới của đất nước. Như vậy, từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, Đảng ta đã nhận thức lại, thẩm nhuần quan điểm thực tiễn, lịch sử cụ thể và phát triển nhằm khắc phục những cách hiểu, cách nghĩ, cách làm giản đơn, siêu hình, giáo điều, duy ý chí, trái quy luật khách quan về thời kỳ trước đổi mới theo đúng tinh thần của Lênin. *Đổi mới, không phải là xa rời hay từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận chủ nghĩa xã hội khoa học mà trái lại, là sự nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn, là sự phát triển sáng tạo hơn nữa bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, của chủ nghĩa xã hội khoa học để tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách có căn cứ khoa học và thực tiễn.*

*Thứ hai, tư tưởng của Lênin về NEP là cơ sở nền tảng để Đảng ta phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới*

Theo tinh thần NEP của Lênin, Đại hội VI đã đề ra đường lối đổi mới, trong đó có đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, 15 năm sau, khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” mới chính thức được xác định từ Đại hội IX của Đảng (năm 2001). Đến Đại hội XII (năm 2016), Đảng Cộng sản Việt Nam đã có bước phát triển tư duy rất rõ nét về kinh tế thị trường khi xác định đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội XII xác định, nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Vì vậy, từ thực tiễn phát triển của đất nước và dựa trên sự nghiên cứu kế thừa tư tưởng các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã thực hiện đổi mới, sáng tạo thừa nhận kinh tế nhiều thành phần, chấp nhận cơ chế thị trường, khẳng định nó không đối lập với chủ nghĩa xã hội và thực hiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Như vậy, từ thực tiễn công cuộc đổi mới, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, hoàn thiện nhận thức, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới ở nước ta. Những thành tựu đáng tự hào mà ngày nay đất nước có được, đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, đã tiếp tục khẳng định: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc vững vàng đẩy mạnh công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta tiếp tục phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thiện đường lối xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

(1)V.I. Lênin: Toàn tập, tập 38, tr 464, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005

(2)V.I. Lênin: Toàn tập, tập 43, tr 195, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005

(3) V.I. Lênin: Toàn tập, tập 30, tr 160, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005

**\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở**



**TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHÚC  
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

*ThS Phạm Hồng Hải\**

**T**ư tưởng đại đoàn kết là một trong những di sản quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc ta. Với Người, đại đoàn kết được thể hiện trong cả tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn, đoàn kết ở trong Đảng, dân tộc và cả quốc tế. Đại đoàn kết không chỉ là tư tưởng lớn, nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà nó đã trở thành đường lối chiến lược, nguồn sức mạnh và là động lực to lớn trong quá trình dựng nước, giữ nước và xây dựng phát triển đất nước.

Suốt cuộc đời mình, mỗi quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh là vấn đề đoàn kết nhằm tập hợp lực lượng, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế, vì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng trên được thể hiện rõ nét qua Di chúc của Người. Hơn năm mươi năm đã qua, kể từ khi Hồ Chí Minh viết những dòng cuối cùng của bản Di chúc lịch sử. Đây là thời gian thích hợp nhất để toàn Đảng, toàn dân và mỗi người chúng ta suy ngẫm về tư tưởng đoàn kết trong di sản cuối cùng mà Người để lại cho dân tộc Việt Nam.

***Thứ nhất, về đoàn kết trong Đảng***

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng đến việc thực hiện đoàn kết trong Đảng. Người coi đoàn kết trong tổ chức lãnh đạo là cơ sở, hạt nhân cốt lõi của đoàn kết nhân dân, dân tộc và quốc tế, là nguồn cội của mọi thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong bản Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến rất nhiều vấn đề quan trọng cần phải làm, từ việc tiếp tục đấu tranh giành độc lập đến các vấn đề hậu chiến tranh, đối nội, đối ngoại, từ việc chung đến việc riêng... Tuy nhiên, vấn đề mà Người dành sự quan tâm hàng đầu là đoàn kết trong Đảng. Khi nói về đoàn kết trong Đảng, Người đã 5 lần nhắc đến

cụm từ “đoàn kết”. Người chỉ rõ vai trò của đoàn kết đối với Đảng rằng: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”<sup>(1)</sup>.

Để tiếp tục gìn giữ truyền thống đoàn kết và phát huy vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra các yêu cầu và giải pháp nhằm củng cố khối đoàn kết trong Đảng, trong điều kiện mới sau khi chiến tranh kết thúc, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với muôn vàn khó khăn phía trước. Trong điều kiện đó đòi hỏi Đảng phải mạnh hơn bao giờ hết. Đảng mạnh khi khối đoàn kết thống nhất trong Đảng thường xuyên được tăng cường, khi “các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”<sup>(2)</sup>. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ, cần thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh..., trong quá trình tự phê bình và phê bình không được lợi dụng để trù dập, bôi nhọ, hạ bệ lẫn nhau, mà phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Mỗi đảng viên phải là người có đạo đức cách mạng, là công bộc của dân, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”<sup>(3)</sup> để Đảng ta xứng tầm là một Đảng cầm quyền “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>(4)</sup>.

***Thứ hai, về đoàn kết toàn dân***

Theo Hồ Chí Minh “... chỉ đoàn kết trong Đảng cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết nhân dân cả nước”<sup>(5)</sup>. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thấy một

trong những truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam là đoàn kết. Trên cơ sở khối đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng mà Hồ Chí Minh tin tưởng chắc chắn rằng mọi ý đồ xâm lược, phá vỡ khối đoàn kết dân tộc sẽ bị đánh bại: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”<sup>(6)</sup>. Khi đất nước bước vào thời kỳ xây dựng, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: dựa vào lực lượng vĩ đại của khối đoàn kết dân tộc, chúng ta sẽ giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ, cuộc chiến đấu chống nghèo nàn, lạc hậu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn đất nước Việt Nam.

Sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam không chỉ là phép tính giản đơn của sự đoàn kết trong Đảng cộng với khối đoàn kết của những người ngoài Đảng, mà chính là sức mạnh tổng hợp của sự đoàn kết, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với dân. Chính truyền thống đoàn kết của dân tộc đã được những người cộng sản Việt Nam kế thừa, phát triển, tạo nên một truyền thống mới Hồ Chí Minh viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”<sup>(7)</sup>. Có thể nói, Hồ Chí Minh đã đặt trọn niềm tin vào truyền thống đó. Với Hồ Chí Minh, tương lai của đất nước, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được quyết định bởi chính truyền thống đoàn kết, ý cuối cùng, những dòng Di chúc cuối cùng của Hồ Chí Minh được viết ra với tâm nguyện: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>(8)</sup>.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, khối đoàn kết dân tộc được quyết định bởi sự quan tâm, tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên Hồ Chí Minh gọi đó là “công việc đối với con người”<sup>(9)</sup>. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã để lại những lời căn dặn không chỉ về quan điểm tư tưởng mà cả những chỉ dẫn khá cụ thể, tỉ mỉ. Đó không chỉ là việc đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, gia đình liệt sĩ mà còn là lựa chọn những người đã trực tiếp chiến đấu ngoài mặt trận đưa đi đào tạo, bồi dưỡng để họ trở thành “đội quân chủ lực

trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”<sup>(10)</sup>. Đối với những người ở hậu phương, nông nhân, công dân, thanh niên, phụ nữ... sự quan tâm đó cũng chu đáo đầy đủ. Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã nghĩ đến và có giải pháp thích hợp để biến chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu thành tinh thần phấn đấu, niềm say mê trong xây dựng hòa bình. Di chúc của Người có đoạn: “Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”<sup>(11)</sup>.

Sự nghiệp xây dựng đất nước cần có khối đoàn kết đông đảo rộng rãi, mạnh mẽ và chắc chắn. Khối đoàn kết đó không chỉ gồm toàn bộ những người từ phía “bên này” mà có cả người của phía “bên kia”. Người cho rằng sự nghiệp xây dựng đất nước cần đến lực lượng của tất cả mọi người, không để sót một người nào. Hồ Chí Minh viết trong Di chúc: “Đối với những nạn nhân của chế độ cũ, thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”<sup>(12)</sup>. Đây không chỉ là quan điểm tập hợp lực lượng hết sức rộng rãi mà còn thể hiện sâu sắc tư tưởng bao dung, nhân ái Hồ Chí Minh.

### *Thứ ba, về đoàn kết quốc tế*

Theo Hồ Chí Minh, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo với sự đoàn kết, thống nhất về đường lối đúng đắn, sáng tạo; toàn dân đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất; nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ, giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Người kết luận: “Đó là ba bài học lớn mà mỗi cán bộ và đảng viên ta cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi”<sup>(13)</sup>.

Đoàn kết quốc tế là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó được Người đề cập khá đậm nét trong Di chúc.

Trước hết, Hồ Chí Minh khẳng định, thắng



lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam không thể tách rời sự đoàn kết, sự ủng hộ, giúp đỡ tận tình của các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè khắp năm châu. Vì vậy, một trong những dự kiến đầu tiên, ngay sau khi chiến tranh kết thúc của Hồ Chí Minh là thay mặt nhân dân ta, Người sẽ đi thăm, cảm ơn và mở rộng hơn nữa khối đoàn kết quốc tế đối với Việt Nam.

Trước khi qua đời, điều Hồ Chí Minh băn khoăn, day dứt nhất là sự bất hòa trong phong trào cộng sản quốc tế. Thực tế cho thấy, với uy tín nhiệt tình cách mạng và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, ngay từ những năm 1920, Hồ Chí Minh đã có những đóng góp quan trọng vào sự đoàn kết, thống nhất giữa các lực lượng cách mạng trên thế giới. Khi đi vào cõi vĩnh hằng, chắc Hồ Chí Minh cũng thấy yên lòng, bởi vì, tuân theo Di chúc của Người. “trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”<sup>(14)</sup>, Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã đang và sẽ tiếp tục làm hết sức mình vì hoà bình, đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc.

Suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh gắn bó trọn vẹn với dân tộc, với Đảng Cộng sản Việt Nam: với nhân dân và bạn bè quốc tế. Cũng suốt đời mình, Người phấn đấu, cống hiến cho sự đoàn kết thống nhất của Đảng của dân tộc và quốc tế. Vì vậy, trước khi qua đời Người “để lại muôn vàn tình thân yêu” cho toàn Đảng, toàn dân toàn quân cho các cháu thanh niên, nhi đồng Việt Nam và cho đồng chí bầu bạn, thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Những tư tưởng, quan điểm nêu trên của Hồ Chí Minh vẫn được Đảng, nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế đón nhận suy ngẫm và vận dụng. Tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng về đoàn kết được thể hiện sâu sắc trong Di chúc của Người vẫn sống động cùng nhân dân đất nước và thời đại.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, những tư tưởng đại đoàn kết trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị. Trong bản Di chúc Người đã vạch ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam một cách khách quan, khoa học và cách mạng, vừa phát huy được sức mạnh đoàn kết trong đảng, đoàn kết

dân tộc và đoàn kết quốc tế, vừa phù hợp với tư duy của thời đại. Tư tưởng đoàn kết trong Di chúc của Người cho đến nay vẫn luôn tỏa sáng, soi đường cho dân tộc ta vững bước trên con đường phát triển vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”.

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 51 năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã phát huy cao độ vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, luôn gắn đoàn kết trong đảng với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế phát huy sức mạnh tổng hợp làm nên những thắng lợi to lớn chấn động địa cầu trong cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và những thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước hiện nay./.

### Chú thích

- (1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.611
- (2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.611
- (3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.622
- (4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.622
- (5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.5, tr.278
- (6) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.612
- (7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.622
- (8) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.614
- (9) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.616
- (10) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.617
- (11) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.617
- (12) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.617
- (13) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.14, tr.467
- (14) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.15, tr.613.

\* Khoa Lý luận cơ sở

**PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI,  
XUYỀN TẠC CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

*ThS Phạm Văn Biển\**

**T**rong thời gian qua, các thế lực phản động thường xuyên phát tán, truyền bá những quan điểm sai trái, những thông tin bịa đặt chống phá, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nền tảng tư tưởng của Đảng, nhằm kích động tâm lý bất mãn, hoài nghi, làm xói mòn lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, với chế độ, làm tha hóa về chính trị, tư tưởng đối với một số cán bộ đảng viên, chúng thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng và trong xã hội, tiến tới làm tan ra Đảng Cộng sản, để từ đó phủ nhận con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những luận điệu xuyên tạc của chúng không có gì mới, thường lặp đi lặp lại một số vấn đề sau:

1. Chúng dùng các thủ đoạn xuyên tạc, bóp méo chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng mưu toan phá vỡ và lật đổ nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng ta. Chúng tung hô các luận điệu rằng: “Học thuyết Mác - Lênin là sản phẩm giữa thế kỷ XIX, do vậy đem đặt nó trong bối cảnh thế kỷ XXI nếu không lạc hậu, thì cũng

chẳng thể khoa học”, “chủ nghĩa Mác - Lênin bắt nguồn từ phương Tây nên không phù hợp với Việt Nam”.

Chúng ta biết rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống các lý luận và phương pháp khoa học được kết tinh từ những thành tựu trí tuệ của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ con đường, cách thức để giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới khỏi bị nô dịch và bóc lột. Lý tưởng mà chủ nghĩa Mác - Lênin theo đuổi là khát vọng của nhân loại tiến bộ hướng tới giải phóng hoàn toàn mọi ách áp bức, con người được ấm no, tự do, hạnh phúc. Phải chăng những điều thiêng liêng như vậy chỉ có ở phương Tây, chỉ phù hợp với phương Tây, còn phương Đông không phù hợp, không cần?

Phải khẳng định rằng, sự vận động, phát triển của loài người từ thời cổ đại đến nay và cả dân tộc Việt Nam là bằng chứng rõ ràng chứng tỏ học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học, đúng đắn và phản ánh chính xác

lịch sử vận động phát triển tiến bộ của toàn thể nhân loại, trong đó có dân tộc Việt Nam. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội không những chỉ ra được nấc thang của sự phát triển lịch sử xã hội với những chế độ xã hội mà còn chỉ ra được quy luật chi phối sự vận động của các hình thái kinh tế - xã hội, đó là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, đó là những quy luật cơ bản nhất. Chủ nghĩa Mác - Lênin còn chỉ ra loài người đã và đang trải qua các hình thái kinh tế - xã hội theo trật tự từ thấp đến cao. Song đối với mỗi nước cụ thể do điều kiện lịch sử khách quan có thể “bỏ qua” những giai đoạn lịch sử nhất định. Nhân loại đã chứng kiến nhiều nước do điều kiện lịch sử của mình đã bỏ qua một hoặc hai hình thái kinh tế - xã hội nào đó để tiến lên giai đoạn cao hơn dưới hình thức này hay hình thức khác. Quá trình bỏ qua đó cũng là một quá trình lịch sử tự nhiên, cũng do nền tảng sản xuất vật chất quy định và

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

phải tuân theo các quy luật khách quan.

Kế thừa những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn kiên định con đường đi lên của đất nước là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Con đường mà chúng ta đã lựa chọn phát triển rút ngắn, bỏ qua là sự lựa chọn đúng đắn, không những đáp ứng khát vọng của nhân dân lao động, mà còn phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

2. Các thế lực thù địch, phản động còn cho rằng: “Hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới đã tan rã, chủ nghĩa Mác - Lênin đã sụp đổ, mà Đảng cộng sản Việt Nam vẫn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng là sai lầm”. Chúng kêu gọi đòi sửa đổi Cương lĩnh của Đảng theo hướng đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng mà chỉ giữ lại “học thuyết Hồ Chí Minh”, chỉ giữ lại mục tiêu độc lập dân tộc mà bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Điều đáng tiếc là không ít người đã ngộ nhận, tin vào những điều nói trên, từ đó dao động về tư tưởng, bản lĩnh chính trị không vững vàng và nói theo những luận điệu sai trái của các thế lực phản động.

Thực tiễn đã cho thấy nguyên nhân sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cuối thế kỷ XX không bắt nguồn từ bản thân học thuyết Mác - Lênin. Sự sụp đổ đó có nhiều nguyên nhân, mà trong số đó có thể nói trước hết là do sự chống phá điên cuồng từ phía chủ nghĩa đế quốc và cùng với nó là do những người cộng sản ở chính các quốc gia, dân tộc ấy đã hiểu và vận dụng không đúng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước. Hơn thế nữa trong suốt một thời gian dài, bệnh quan liêu và tệ sùng bái cá nhân không được ngăn chặn đã làm cho chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội có điều kiện trỗi dậy, cùng sự phản bội của một số người lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản, họ tự đặt mình lên trên tập thể, coi thường nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng. Thói độc đoán, chuyên quyền đã âm ỉ kéo dài gây phân hóa nội bộ đảng sâu sắc. Nhiều chủ trương đường lối thiếu sức sống, xa rời thực tiễn, xâm phạm lợi ích của các tầng lớp nhân dân..., làm cho xã hội lâm vào khủng hoảng khéo dài. Do vậy, đây là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu xôviết, chứ không đồng nghĩa với sự sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa

trên thế giới, không phải là sự cáo chung của học thuyết Mác. Sự sụp đổ đó còn chứng tỏ Đảng nào xa rời những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì đảng đó không còn là đảng mácxít chân chính, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở đó nhất định sẽ thất bại.

Đảng ta luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hành động, kiên định vào nền tảng tư tưởng đã lựa chọn. Bởi thực tiễn cho thấy chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học và cách mạng, là ngọn đuốc soi sáng con đường đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để giành độc lập, tự do cho dân tộc và đem lại hạnh phúc cho nhân dân, đưa đất nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>[1]</sup> và “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>[2]</sup>. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã làm nên những thắng lợi to lớn đưa “nước



ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”<sup>[3]</sup>.

3. Với giọng điệu xuyên tạc trên, chúng tiếp tục rêu rao rằng tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Đây là thủ đoạn hết sức tinh vi và xảo quyệt, chúng bịa đặt, vu khống, chúng tấn công vào cả tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng Hồ Chí Minh không có tư tưởng gì cao siêu, vận dụng, tiếp thu một cách máy móc chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Phải khẳng định rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra phương pháp luận đúng đắn nhằm nhận thức và cải tạo thế giới, tìm ra phương thức mới cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công nhằm xây dựng một chế độ mới tốt đẹp hơn. Là một khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một học thuyết đóng, nó yêu cầu phải được vận dụng và phát triển sáng tạo

không ngừng trong thực tiễn để tiếp thêm sức sống và nuôi dưỡng phát triển. Đây là một trong những yếu tố thể hiện tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin một cách tự nhiên, chân thành, giản dị. Điều này được Hồ Chí Minh cất nghĩa trong bài Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin: “lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên... Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình... Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đánh tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu”<sup>[4]</sup>. Thực tiễn gần 10 năm đi tìm đường cứu nước, nhất là sau khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Hồ Chí Minh đã rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng,... vui mừng đến phát khóc lên, ngồi một mình trong phòng mà Người nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái

cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta” vì Người đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc. Như vậy, chính Luận cương của Lênin đã nâng cao nhận thức của Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc. Nó phù hợp và đáp ứng được những tình cảm, suy nghĩ, hoài bão được ấp ủ từ lâu, nay đang trở thành hiện thực. Người viết: “lúc đầu, chính chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”<sup>[5]</sup>.

Từ những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã tiến tới nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin sâu sắc hơn, để rồi tiếp thu học thuyết của các ông một cách có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, không sao chép giáo điều. Người vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở. Thế giới quan, phương pháp luận Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn để tìm ra con đường cứu nước: “trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới”<sup>[6]</sup>.

Hồ Chí Minh là người đầu tiên đi tiên phong trong chống chủ nghĩa thực dân, Người đưa ra luận điểm rất quan trọng về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Người chỉ rõ: hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc đế quốc chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc... Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Cách mạng ở các nước thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và tác động trở lại thúc đẩy cách mạng chính quốc. Chủ nghĩa tư bản chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Lênin về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng ở chính quốc, Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm chủ nghĩa đế quốc là “con đĩa hai vôi”, để khẳng định cách mạng ở các nước thuộc địa là một trong những “cái cánh” của cách mạng thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có những phát triển sáng tạo về xây dựng Đảng

Cộng sản ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, đó là quy luật hình thành Đảng bằng kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước (trong chủ nghĩa Mác - Lênin chưa đặt vấn đề phong trào yêu nước). Đảng vừa đại diện cho lợi ích của giai cấp, vừa đại diện cho lợi ích của dân tộc. Những luận điểm của Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng, phát triển sáng tạo mà còn góp phần bổ sung, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng đảng và cách mạng thuộc địa.

Một lần nữa chúng ta khẳng định rằng sự thống nhất biện chứng giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh hợp thành nền tảng tư tưởng của Đảng, là nhân tố cơ bản bảo đảm cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Để đấu tranh nhận diện và phê phán các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động nhằm chống phá Đảng và Nhà nước, chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta mỗi cán bộ, đảng viên và mọi người dân phải luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới của đất nước, nêu cao

ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành đúng mọi chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời tuyên truyền, phản bác làm rõ âm mưu, thủ đoạn, phương thức thực hiện “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phòng và chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng và trong quần chúng nhân dân, “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” để mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác. Có như vậy thì mọi sự xuyên tạc, lừa bịp của các thế lực thù địch và bọn phản động, cơ hội về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đều không có cơ hội để tồn tại và phát triển./

---

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Hồ chí Minh toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội.2011, t2, tr289,
- [2]. Hồ chí Minh toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội.2011, t12, tr30,
- [3]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Tr64
- [4]. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb.CTQG, H.2011, t12, tr561
- [5],[6]. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb.CTQG, H.2011, t12, tr562-563.

*\* Trưởng khoa Lý luận cơ sở*

## PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC QUA CÁC VĂN KIỆN CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Nguyễn Thế Nguyên\*

**Đ**oàn kết là một truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử dựng; nước và giữ nước. Từ khi Đảng ta mới ra đời, truyền thống đoàn kết dân tộc được Đảng ta nâng lên một tầm cao mới với sự kết hợp sức mạnh của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội để làm cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Đoàn kết, đoàn kết đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công. Đại đoàn kết dân tộc là cơ sở, là sức mạnh để đưa ý nguyện của Đảng, ý nguyện của toàn dân đến thắng lợi cuối cùng. Nhận thức rõ về tầm quan trọng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc nên trong từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử và đặc biệt trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay khi tình hình trong nước cũng như trên thế giới có nhiều biến chuyển khôn lường thì vấn đề xây dựng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc càng được Đảng ta đề cao, thể hiện rõ nét qua các văn kiện, nghị quyết quan trọng của Đảng.

Vào những năm 80 của thế kỷ XX, đứng trước tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, đổi mới trở thành yêu cầu có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh dân tộc. Trước tình hình đó, Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã hoạch định đường lối đổi mới đất nước, chỉ rõ bốn bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học đầu tiên là: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”<sup>(1)</sup>, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám đã ra



Nghị quyết 8b (ngày 27-3-1990) về đổi mới công tác quản chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, trong đó nhấn mạnh quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đến Đại hội VII của Đảng (năm 1991), lần đầu tiên trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta khẳng định lấy khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều đó thể hiện: Đảng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò của các giai tầng trong xã hội, nhất là của tầng lớp trí thức đối với sự nghiệp cách mạng nước ta trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ và kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. *Cương lĩnh (năm 1991)* nêu năm bài học lớn được rút ra từ thực tiễn cách mạng, trong đó có bài học: “sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử”<sup>(2)</sup> và “không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân,



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”<sup>(3)</sup>. Đại hội VII của Đảng chỉ rõ: “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân”<sup>(4)</sup>; dân chủ “vừa là một mục tiêu vừa là một động lực của công cuộc đổi mới xã hội ta”<sup>(5)</sup>.

Tổng kết 10 năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng đã rút ra một trong những nguyên nhân trọng yếu dẫn đến thành công của Đảng trong hoạch định đường lối và thực hiện đường lối đổi mới: “Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay”.

Đại hội VIII tiếp tục khẳng định tinh thần của Đại hội VII và nêu cao phương châm: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay đang định cư ở nước ngoài; có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Đại hội IX có bước phát triển cụ thể hơn nữa về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân: “Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài”; “lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng”; “trên

cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”<sup>(6)</sup>. Như vậy, trong thời kỳ mới, quan điểm nhất quán của Đảng ta là: đại đoàn kết toàn dân, đồng thuận mọi giai tầng, trên cơ sở giải quyết hài hòa các lợi ích, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của toàn xã hội, là động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.



Nhằm cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, tư duy về đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta được phát triển lên một bước mới. Cụm từ “Đại đoàn kết toàn dân” được bổ sung, hoàn chỉnh thành “Đại đoàn kết toàn dân tộc” với ý nghĩa mở rộng đại đoàn kết, đoàn kết không chỉ đối với nhân dân ta ở trong nước mà còn với cả cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Từ tư duy đổi mới về vai trò của nhân

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

dân, về vấn đề dân tộc trong thời kỳ mới, Đại hội X của Đảng khẳng định: **“đại đoàn kết toàn dân tộc** trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>(7)</sup>.

Sau 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định: phát huy sức mạnh toàn dân tộc là thành tố thứ hai, sau thành tố về tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đây chính là hai thành tố quan trọng, quyết định thực hiện thành công những nhiệm vụ căn cốt nhất của toàn Đảng và toàn dân ta trong nhiệm kỳ 2011 - 2015, đó là: đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một thành tố được nêu trong chủ đề của Đại hội IX và Đại hội X, nay khẳng định lại không chỉ để nhấn mạnh mà còn nhằm làm sáng tỏ hơn bản chất và nội dung của vấn đề thông qua thực tiễn đổi mới. Sức mạnh toàn dân tộc là sức mạnh của cả kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh của các thành phần kinh tế, các lực lượng chính trị, xã hội, các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân trong nước và cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài có cùng “mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân

tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”<sup>(8)</sup>.

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng là sự kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện sự nhất quán kiên định tư tưởng chính trị và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh - tư tưởng chính trị và phương pháp cách mạng dựa trên sự bố trí các lực lượng xã hội, trên cơ sở vận dụng nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp, quan điểm dân tộc vào thực tiễn Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân*, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân”<sup>(9)</sup>.

Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng trong báo cáo trình Đại hội Đảng ta cũng đã nêu tình hình của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó Đảng ta đã nêu rõ khối Đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn và thách thức. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Đảng ta cũng nêu ra những điểm còn tồn tại như sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có lúc có nơi chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở, còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả... Đồng thời đề ra các nhiệm vụ cụ thể để khắc phục củng cố và phát huy



tốt hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới cũng như trước những thử thách, khó khăn mà đất nước ta đang phải đối mặt thì hơn bao giờ hết, Đảng cần tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và sự đồng thuận của toàn xã hội trong tiến trình xây dựng đất nước hiện nay. Để đạt được mục tiêu đó, Đảng cần có những quyết sách nhằm động viên và tổ chức mọi tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, đưa đất nước vượt qua thách thức.

Với những thành quả cách mạng Việt Nam đã đạt được, dưới sự lãnh đạo đầy bản lĩnh, trí tuệ của một chính Đảng Cộng sản được lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh soi rọi, với sự quản lý điều hành năng động, sáng tạo của Nhà nước cách mạng Việt Nam, với tài năng, trí thông minh, đức tính cần cù, ý chí và khát vọng vươn lên mãnh liệt của nhân dân ta, tiếp tục vận dụng bài học phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh lịch sử mới, chúng ta có đầy đủ

cơ sở để vững tin vào sự hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

### Tài liệu tham khảo

- (1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 213
- (2), (3) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 311
- (4), (5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, tr. 124, 125
- (6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 86
- (7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 40 – 41
- (8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 239-240
- (9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.698

\* Giảng viên khoa Xây dựng Đảng



**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

*ThS Nguyễn Văn Phước\**

**C**hính quyền địa phương có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong việc triển khai đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tới Nhân dân; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Sinh thời, Bác Hồ chỉ rõ: “Cấp xã là gần gũi nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi việc đều xong xuôi”<sup>[1]</sup>. Đất nước ta đang bước vào thời kỳ mới, phát triển. Vì vậy, không ngừng nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở là nhiệm vụ quan trọng trong việc nâng cao tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp.

**1. Sự cần thiết nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.**

Đảng đề ra đường lối, chủ trương, Nhà nước thể chế hoá bằng hệ thống văn bản pháp luật. Mọi hoạt động của đời sống xã hội đều phải tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Để tổ chức thực hiện hệ thống các văn bản pháp luật vào trong đời sống xã hội được thực hiện thông qua nhiều hình thức, hoạt động, nhiều cấp khác nhau. Trong đó, cấp cơ sở (cấp xã) là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Tất cả mọi hoạt động của chính quyền cấp xã đều do chính đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tổ chức thực hiện.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là người trực tiếp đem chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới Nhân dân, họ là người giải thích cho nhân

dân hiểu rõ để thi hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, qua đó, cán bộ, công chức cấp xã nắm bắt tình hình việc triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới đời sống Nhân dân có hiệu quả hay không, mà phản ánh cho Đảng, Nhà nước để có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho đúng, phù hợp với thực tiễn và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Thực tế hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã phải giải quyết một khối lượng công việc rất lớn, đa dạng và phức tạp, liên quan đến mọi mặt của đời sống ở cơ sở. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá và các lĩnh vực khác ở địa phương; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; trong quản lý và tổ chức công việc của chính quyền cơ sở; trong xây dựng, hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở, hoạt động thi hành nhiệm vụ, công vụ. Do đó, nếu đội ngũ cán bộ, công chức sa sút về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, không đủ năng lực công tác sẽ gây hậu quả tiêu cực và ảnh hưởng đến hiệu quả công việc. Cho nên, cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

**2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Lâm Đồng là tỉnh thuộc phía Nam Tây Nguyên, độ cao trung bình 800m - 1.500m so với mực nước biển, diện tích tự nhiên 9.783,3 km<sup>2</sup>. Dân số toàn tỉnh 1.296.906 người, có 43 dân tộc sinh sống, trong đó có 12 đơn vị hành

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chính cấp huyện, 142 đơn vị hành chính cấp xã.<sup>[3]</sup>

Trong thời gian qua, Tỉnh uỷ Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều Nghị quyết, chương trình, kế hoạch để thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương về độ ngũ cán bộ, công chức như: Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh uỷ Lâm Đồng ngày 12/10/2006 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về “*đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xã, phường, thị trấn*”; kế hoạch số 63-KH/TU này 10/10/2018 của Tỉnh uỷ Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; kế hoạch số 8245/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ngày 13/12/2018 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII,...

Những năm qua, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu quá trình phát triển đất nước: đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trung thành với lý tưởng cách mạng, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng; có lối sống giản dị, trong sáng, gần gũi với Nhân dân, tâm huyết với công việc. Tuy nhiên, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã vẫn còn lợi ích cá nhân, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phó.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, số lượng cán

bộ, công chức cấp xã theo quy định là 3.050 người, đang thực hiện 2.979 người (cán bộ cấp xã: 1.542 người, công chức cấp xã: 1.437 người)<sup>[3]</sup>

Bảng 1: Thống kê trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị

Đối tượng	Trình độ chuyên môn					Trình độ lý luận chính trị			
	Sau đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp chuyên nghiệp	Sơ cấp, chưa đào tạo	Cao cấp, Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa đào tạo
Cán bộ	26	835	46	496	139	101	1.237	61	143
Công chức	935		101	401	0	0	840	75	522

Qua bảng số liệu trên cho thấy, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã từng bước nâng lên. Tuy nhiên về trình độ chuyên môn vẫn còn 101 công chức cấp xã tốt nghiệp Cao đẳng và 401 công chức tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp (theo quy định phải từ Đại học trở lên). Về trình độ lý luận chính trị: cán bộ cấp xã còn 143 chưa qua đào tạo (theo quy định từ sơ cấp trở lên tùy vào từng chức vụ cụ thể), công chức cấp xã (75 trình độ sơ cấp, 522 chưa qua đào tạo) mà theo quy định phải từ Trung cấp trở lên.

Đối với bảng 2, trình độ Tin học, Tiếng dân tộc cán bộ, công chức toàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, về Tin học vẫn còn 317 cán bộ cấp xã chưa đào tạo, công chức cấp xã vẫn còn 64 chưa đào tạo. Về tiếng dân tộc: cán bộ cấp xã vẫn còn 211 chưa đào

Bảng 2: Thống kê trình độ tin học và tiếng dân tộc

Đối tượng	Tin học		Tiếng dân tộc	
	Qua đào tạo	Chưa đào tạo	Qua đào tạo	Chưa đào tạo
Cán bộ	1.225	317	1.331	211
Công chức	1.373	64	251	1.186

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tạo và công chức cấp xã vẫn còn 1.186 chưa đào tạo (theo quy định công chức cấp xã phải thành thạo tiếng dân tộc trong vùng có đồng bào tiếng dân tộc sinh sống).

Đối với bảng đánh giá, phân loại cán bộ, công chức cấp xã năm 2018, năm 2019 (Bảng 3) đã phản ánh được số lượng và chất lượng

nhưng vẫn còn (hơn 1%), tỉ lệ không hoàn thành nhiệm vụ vẫn còn (0,74%).

Để đáp ứng ngày càng cao quá trình hội nhập, phát triển của đất nước thì cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu; trên cơ sở đó, cần thực hiện một số

Bảng 3: Thống kê đánh giá phân loại cán bộ, công chức cấp xã năm 2018, 2019

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cán bộ, công chức cấp xã		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực		Không hoàn thành nhiệm vụ	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	Đà Lạt	325	311	61	68	254	233	2	6	8	0
2	Bảo Lộc	220	219	27	2	190	184	1	9	0	2
3	Cát Tiên	220	211	11	17	200	194	6	0	3	0
4	Đạ tẻh	224	215	42	49	172	162	6	1	3	2
5	Đạ Huoai	196	192	0	9	185	175	8	5	0	3
6	Bảo Lâm	299	288	25	75	273	209	1	4	0	0
7	Di Linh	402	390	75	55	312	317	10	11	4	1
8	Đơn Dương	215	220	31	26	175	183	5	4	1	1
9	Đức Trọng	312	307	4	4	301	288	4	8	3	7
10	Lâm Hà	337	324	59	38	266	276	7	6	5	4
11	Đam Rông	186	180	34	28	125	143	16	3	7	2
12	Lạc Dương	111	122	7	3	98	115	4	2	2	0
Tổng số		3.047	2.979	376	396	2.551	2.479	70	59	36	22
Tỉ lệ (%)				12,34	13,29	83,72	83,22	2,3	1,98	1,18	0,74

đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ngày càng được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Tuy nhiên, tỉ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ còn thấp (dưới 15%), tỉ lệ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực tuy có giảm

giải pháp:  
Một là, Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng và củng cố chính quyền cơ sở. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền ở cơ sở, bảo đảm thực hiện ng-



# NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hiệm quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy sự chủ động trong quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội cấp xã. Thường xuyên kiểm tra, lắng nghe ý kiến của nhân dân để kịp thời phát hiện và giải quyết dứt điểm những vướng mắc, mâu thuẫn nảy sinh trong cộng đồng dân cư.

*Hai là*, Hoàn thiện công tác thu hút, quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã. Đẩy mạnh việc tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp Đại học, sau đại học có trình độ chuyên môn phù hợp, xếp loại từ khá trở lên. Công tác tổ chức tuyển dụng cần đảm bảo khách quan, công bằng. Công tác quy hoạch, sử dụng cán bộ cần thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chỉ đưa vào quy hoạch những người có đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực thực thi công vụ.

*Ba là*, Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã không ngừng nâng cao bản thân về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực thực thi công vụ, rèn luyện phong cách gần dân, sát dân. Cán bộ, công chức cơ sở cần tự bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị và các tiêu chuẩn khác theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

*Bốn là*, Thực hiện công tác lựa chọn, phê chuẩn, bầu cử, luân chuyển cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy trình, quy định, pháp luật hiện hành

*Năm là*, Hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá, khen thưởng và kỷ luật. Công tác kiểm tra, đánh giá, khen thưởng và kỷ luật có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Qua công tác này nhằm phát hiện những tiêu cực, tồn tại hạn chế, những ưu điểm, những phẩm chất tốt của đội ngũ cán bộ, công chức. Qua đó, lựa chọn, bố trí, quy hoạch cán

bộ, công chức phù hợp với từng vị trí việc làm, khả năng với nhiệm vụ được giao. Đặc biệt công tác đánh giá cần thực hiện đúng nội dung, đúng quy trình, phải công khai, dân chủ trên từng tiêu chuẩn; gắn đánh giá với công tác phê bình và tự phê bình. Công tác khen thưởng cần kịp thời, xử lý vi phạm kỷ luật đúng người, đúng tội.

Hiện nay, đất nước ta đang phát triển mạnh trên các mặt của đời sống xã hội, trong sự hội nhập quốc tế sâu và rộng. Cho nên, trong hoạt động công vụ, thực hiện nhiệm vụ đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức không những giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn an hiểu các lĩnh vực khác của xã hội; nhất là cán bộ, công chức cấp cơ sở, nơi gần dân và sát dân nhất. Vì vậy, cán bộ, công chức không ngừng nâng cao tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực thực thi công vụ, biết lắng nghe ý kiến của Nhân dân, tôn trọng Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Qua đó, góp phần vào thành công phát triển của đất nước, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thực hiện mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

## Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.371.
2. Báo cáo số 21/BC-SNV ngày 18/02/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng về công tác xây dựng chính quyền năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.
3. Báo cáo số 13/BC-SNV ngày 11/02/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng về công tác xây dựng chính quyền năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.

*\* Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật*

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

ThS Tô Văn Bấy\*

Đoàn viên thanh niên với tư cách là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, dân tộc trong tương lai. Hiện nay, các thế lực thù địch đã, đang ra sức không ngừng tuyên truyền, chống phá, xuyên tạc các quan điểm trong đó trọng tâm nền tảng tư tưởng của Đảng với mưu đồ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do vậy, việc bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nội dung cơ bản, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, công việc tự giác, thường xuyên của mỗi đoàn viên thanh niên.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng

đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân”<sup>(1)</sup> xây dựng một chế độ xã hội mới phát triển về chất trên cơ sở dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đoàn viên thanh niên hiện nay, phải nhận diện rõ “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”<sup>(2)</sup>.

Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là công việc rất khó khăn, phức tạp, liên tục và lâu dài, nhưng khó khăn và phức tạp đến đâu cũng phải làm, vì đó là quyền và nghĩa vụ của mỗi đoàn viên thanh niên hiện nay, những chủ nhân tương lai của đất nước, đang được sống trong môi trường hòa bình, ổn định, phát triển mà bao thế hệ của dân tộc đã phải đấu tranh hy sinh mới có được đất nước như ngày hôm nay.

Nhận thức rõ tầm quan trọng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cho đoàn viên thanh niên hiện nay. Trong những năm qua các cấp đoàn đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai, cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về giáo dục lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh thiếu nhi như: Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24-3-2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015-2030”; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong đoàn viên, thanh niên; 4 đề án, nghị quyết, kết luận về giáo dục lý tưởng cách mạng trong cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi giai đoạn 2012-2017 và 2018-2022. Đồng thời, tăng cường làm tốt công tác nắm bắt tư tưởng, định hướng dư luận trong thanh niên trước

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

những diễn biến phức tạp và công tác đấu tranh với những luận điệu chống phá, âm mưu, hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm vào thanh niên. Đó là những cơ sở rất quan trọng góp phần giúp các bạn đoàn viên thanh niên nâng cao nhận thức, kiến thức về lý luận chính trị, về chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng lý tưởng cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng; qua đó, khẳng định được niềm tin của thế hệ trẻ với Đảng, chế độ, và kiên trì bảo vệ Đảng, chế độ của chúng ta.

Tuy nhiên, trong những năm qua công tác giáo dục lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên còn một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết như: còn một bộ phận đoàn viên thanh niên có biểu hiện thụ động, lười học, ngại học lý luận chính trị, không quan tâm đến chính trị, thờ ơ với chính trị; Thậm chí một số thanh niên thông qua Internet, mạng xã hội để bày tỏ suy nghĩ tiêu cực, ý kiến cá nhân không dựa trên nền tảng của sự hiểu biết đầy đủ, nhận thức tinh táo và lý trí, có những bài viết, bình luận theo hướng bôi đen, tiêu cực, suy giảm niềm tin, thậm chí hùa theo luận điệu của kẻ xấu để phê phán đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, nội dung học tập lý

luận chính trị chưa được cập nhật thường xuyên, phương thức, hình thức chưa đa dạng, hấp dẫn,... đoàn viên thanh niên hiện nay.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là việc rất quan trọng, đòi hỏi sự tham gia của các cấp, các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị và nhân dân. Trong bài viết này tôi chỉ đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên trong bối cảnh hiện nay như sau:

*Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng ở cơ sở đối với công tác giáo dục lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên hiện nay; các cấp đoàn tiếp tục triển khai các giải pháp đồng bộ.*

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của các cấp ủy đảng cần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên của địa phương, đơn vị mình. Đây là việc rất quan trọng thức thẽ cho thấy nơi nào cấp ủy đảng quan tâm, công tác giáo dục lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên thì nói đó đoàn viên

thanh niên được tiếp cận, tìm hiểu quan điểm chủ trương, chính sách của đảng và Nhà nước tốt hơn, kịp thời hơn. Để việc công tác giáo dục lý luận chính trị hiệu quả hơn, thiết thực hơn thì cấp ủy đảng xây dựng nghị quyết chuyên đề, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, nhận xét... công tác giáo dục lý luận chính trị của đoàn viên thanh niên tại cơ quan, đơn vị mình.

Các cấp đoàn tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp cụ thể hóa Chỉ thị 42, Chỉ thị 05, Nghị quyết 04, Chỉ thị 01, Cuộc vận động xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, thanh niên. Triển khai các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho từng đối tượng cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi. Triển khai học tập 04 bài học lý luận chính trị (sửa đổi, bổ sung) trong đoàn viên. Tiếp tục thành lập, duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của Câu lạc bộ Lý luận trẻ các cấp.

*Thứ hai, công tác giáo dục lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên cần tiến hành thường xuyên, liên tục, kiên trì, bền bỉ và không ngừng đổi mới sáng tạo.*

Lý luận chính trị là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, là một bộ phận quan



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trọng về lý luận trong lĩnh vực chính trị; mang tính Đảng, tính giai cấp; đồng thời, có tính khái quát hóa, trừu tượng hóa và tính dự báo khoa học cao. Vì vậy, giáo dục lý luận chính trị, bao gồm nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... là yêu cầu thường xuyên, hằng ngày, bức thiết đối với mỗi bộ, đảng viên đặc biệt thế hệ đoàn viên thanh niên hiện nay. Đó là một hệ thống những tri thức đồ sộ, đôi khi còn trừu tượng trong khi đó đoàn viên thanh niên tuổi đời còn rất trẻ, chưa có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống, được sinh ra trong thời bình, lại chịu tác động bởi những mặt của kinh tế thị trường, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách tuyên truyền, xuyên tạc, bóp méo sự thật, đổi trắng thay đen.... làm cho một số đoàn viên thanh niên khó nhận diện được những âm mưu thủ đoạn.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay, không chỉ mang tính trước mắt mà là chiến lược lâu dài. Do vậy, trong thời gian tới, các cấp đoàn tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh,

phản bác những quan điểm, luận điệu sai trái; tăng cường đăng tải, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tốt đẹp, việc làm hay trên không gian mạng, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và những thành quả cách mạng.

*Thứ ba, đào tạo, xây dựng một đội ngũ cán bộ giảng dạy, báo cáo viên lý luận chính trị có tâm huyết, có chất lượng và bản lĩnh chính trị cao, sẵn sàng tham gia đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các lĩnh vực.*

Vấn đề đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng yếu tố hàng đầu, quan trọng nhất, đó chính là chất lượng và bản lĩnh của đội ngũ giáo viên, báo cáo viên giảng dạy lý luận chính trị. Do vậy, đào tạo, xây dựng được đội ngũ giảng viên có trình độ, có chất lượng, có nhận thức sâu sắc, đầy đủ, rõ ràng về vai trò, tầm quan trọng, bản chất cách mạng, tiến bộ, khoa học, đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có bản lĩnh chính trị vững vàng thì rõ ràng chúng ta không những sẽ nâng cao chất lượng công tác truyền bá lý luận chính trị nói chung mà còn đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên mà có tri thức khoa học vững vàng, có niềm tin vững chắc, có bản lĩnh chính trị cao sẽ là lực lượng nòng cốt, tiên phong truyền cảm hứng, sự yêu thích, ham học hỏi, tìm hiểu vấn đề lý luận chính trị cho mỗi đoàn viên thanh niên thông qua quá đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi góc độ, trên mọi khía cạnh, trên mọi lĩnh vực.

*Thứ tư, thường xuyên bồi dưỡng lý luận chính trị cho đoàn viên thanh niên bằng nhiều hình thức khác nhau, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.*

Đề đoàn viên thanh niên dễ tiếp cận với những vấn đề lý luận chính trị, các tổ chức đoàn phải tiếp tục đẩy mạnh đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến lý luận chính trị đến đoàn viên thanh niên hiện nay như: xây dựng các ấn phẩm tuyên truyền như video clip, phim ngắn, sân khấu hóa... tuyên truyền thông qua các trang mạng xã hội (facebook, zalo, youtube) của Đoàn, Hội, Đội và của đoàn viên, thanh thiếu niên về các nội dung nền tảng tư tưởng của Đảng như: nêu bật những thành tựu vẻ vang dưới sự lãnh đạo của Đảng, về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thành

tự phát triển kinh tế xã hội...

Đưa hoạt động Câu lạc bộ lý luận trẻ ở các cấp đi vào hoạt động hiệu quả, thực chất là nơi để đoàn viên thanh niên tập hợp sức mạnh của tuổi trẻ trong việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, bạo cường lĩnh, điều lệ Đảng.

*Thứ năm, xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung, hình thức giáo dục lý luận chính trị phù hợp với từng đối tượng, trình độ đoàn viên thanh niên hiện nay.*

Hiện nay đoàn viên thanh niên đứng trước một xã hội mở đang phát triển nên có rất nhiều cách thức tiếp cận tri thức nhân loại, thông tin hàng hàng ngày, bên cạnh đó là những áp lực của cuộc sống... Do vậy công tác giáo dục lý luận chính trị hiện nay cho đoàn viên thanh niên phải có chương trình, nội dung, hình thức phải phù hợp. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị mặc dù đã được đổi mới, nhưng vẫn còn một số bất cập. Nội dung chương trình đào tạo hiện vẫn nặng về lý thuyết, chưa phát triển các kỹ năng thực hành cho người học; một số chương nội dung chưa cập nhật, không theo kịp với thực tiễn đời sống xã hội, nên đã “lạc hậu”, nội dung chưa gắn với tính đặc thù của các đối tượng người học, chưa đáp ứng một cách

toàn diện nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị hiện nay

*Thứ sáu, tăng cường nắm bắt tư tưởng, tuyên truyền các tấm gương đoàn viên thanh niên tốt hiện nay thông qua Internet, mạng xã hội.*

Trong thời đại hiện nay, sự bùng nổ của internet và các mạng xã hội toàn cầu đang tác động mạnh mẽ, nhiều chiều đến mọi mặt đời sống xã hội. Đây là lĩnh vực các thế lực thù địch, phản tử cơ hội chính trị đã và đang triệt để lợi dụng để xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng và Nhà nước, trong đó thế hệ trẻ là một trong những đối tượng trọng điểm. Do vậy, công tác nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên thanh niên thông qua các trang mạng xã hội, nhóm trên Facebook, zalo là việc rất quan trọng và cấp thiết hiện nay. Bên cạnh đó thông qua những trang mạng xã hội đó đoàn viên thanh niên mạnh dạn bày tỏ quan điểm, thẳng thắn đấu tranh, bài trừ các vấn đề, ý kiến sai sự thật; đăng tải, chia sẻ các thông tin tích cực trên mạng xã hội, hướng đến xây dựng đội ngũ đoàn viên thanh niên thực sự là những tuyên truyền viên tích cực trên không gian mạng không để các thế lực xấu tác động, lôi kéo, kích động.

Công tác giáo dục lý luận chính trị là công việc rất quan trọng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bất cứ giai đoạn nào của cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch lợi dụng công cuộc mở cửa của đất nước, tìm mọi cách không ngừng tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng chúng muốn xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng trong đó đối tượng chúng hướng tới là đoàn viên thanh niên những thế hệ trẻ tương lai của đất nước. Những thành tựu vẻ vang quan trọng đất nước đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng dựa trên nền tảng tư tưởng của Đảng, thế hệ đoàn viên thanh niên hiện nay nguyên một lòng trung thành, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế và xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh./.

**Tài liệu tham khảo**

- 1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 2. Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới

*\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÀI VIẾT NGHIÊN CỨU  
KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Đoàn Quang Duy Tuấn\**

**Thực hiện Quy chế giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG ngày 02/5/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (trước đó là Quyết định số 1855), theo đó nhiệm vụ của giảng viên ngoài giảng dạy còn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thông qua các bài viết nghiên cứu khoa học với mục đích giúp giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và hình thành phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại.**

**K**hoa Lý luận cơ sở trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng là khoa chuyên môn, đảm nhiệm giảng dạy các phần học: phần I.1 - Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; phần IV - Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội; phần VI - Tình hình nhiệm vụ của địa phương hoặc ngành; và giảng dạy một số chuyên đề thuộc các chương trình Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng ... Hiện nay khoa có 6 giảng viên, tất cả đều có trình độ thạc sỹ và được trang bị trình độ lý luận chính trị theo quy định (Trung cấp, Cao cấp LLCT và tương đương). Trong những năm qua, giảng viên trong khoa luôn nỗ lực, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy của nhà trường, chất lượng giảng dạy không ngừng được nâng lên.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng giảng dạy, giảng viên khoa Lý luận cơ sở cũng quan tâm thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thông qua công tác viết bài hội thảo, tọa đàm và nội san theo kế hoạch chung của toàn trường cũng như của các đơn vị (Học viện, Cụm thi đua...). Riêng tại trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng, hàng năm trường đều có kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học hàng năm,

trong đó xuất bản Bản tin Lý luận và thực tiễn (02 số) và tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học (số lượng tùy từng năm). Các chủ đề của Hội thảo, tọa đàm và Bản tin bám sát vào những ngày lễ lớn, các dịp kỷ niệm và các cuộc vận động như: chào mừng ngày thành lập Đảng (3/2), kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12); học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung về đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế ở cơ sở; vận dụng các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giảng dạy.

Các giảng viên đã chủ động chọn các chủ đề phù hợp với chuyên ngành và năng lực thực tiễn để thực hiện viết bài. Giảng viên đã có nhiều nỗ lực trong việc sưu tầm tài liệu, số liệu cho nội dung bài viết. Nội dung của các bài viết ngày càng được giảng viên quan tâm hơn về chất lượng, bố cục hợp lý, logic. Tính khoa học được đảm bảo, tránh được sự trùng lặp về nội dung bài viết với các bộ phận phòng, khoa khác trong trường. Hầu hết 100% giảng viên trong khoa tham gia viết bài, với nhiều lượt bài được Ban biên tập Hội thảo, tọa đàm và Bản tin lựa chọn đăng bài cũng như mời tham luận tại một số hội thảo do có nội dung đổi mới, sáng tạo và thiết thực.

Kết quả trong những năm qua, giảng viên khoa Lý luận cơ sở luôn thực hiện tốt, hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đề ra. 100% giảng viên trong khoa hoàn thành định mức, nhiều giảng viên vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học thông qua thực hiện các bài viết hội thảo, tọa đàm và nội san theo kế hoạch tổ chức của nhà trường.

Tuy nhiên, do lực lượng giảng viên của



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

khoa còn mỏng, các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ giảng dạy nhiều nên thời gian đầu tư cho nội dung bài viết còn bị chi phối, chưa tập trung toàn lực cho các bài viết. Vì vậy, việc viết bài để tham gia hội thảo, tọa đàm và nội san của giảng viên trong khoa thời gian qua vẫn còn có những hạn chế như:

- Do thời gian đầu tư viết bài ngắn, nên vẫn còn giảng viên không có thời gian đầu tư tìm hiểu các khía cạnh mới, chủ đề mới mà vẫn trung thành với các chủ đề nhà trường đưa ra, dẫn đến một số bài có nội dung chưa cao, còn bị trùng lặp.

- Nội dung một số bài viết chưa bao đảm tính toàn diện, còn đặt nặng về lý luận, ít nội dung thực tiễn, chưa bám sát các vấn đề mang tính thời sự, đặc biệt là những vấn đề phản ánh tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương.

- Bài viết tổng kết thực tiễn, mang tính tham mưu cho lãnh đạo nhà trường còn ít. Ít đề cập đến vấn đề kinh tế - xã hội như: xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dân vận ở địa phương... Vì lẽ đó, phần nào làm giảm tính thực tiễn của bài viết, chưa thật sự tương xứng với mục tiêu nghiên cứu khoa học đề ra.

- Bên cạnh đó, việc lựa chọn nội dung bài viết còn gặp khó khăn, dẫn đến việc sưu tầm dữ liệu còn bị trùng lặp, trích dẫn quá nhiều trong một bài viết, chưa có nhiều sự sáng tạo trong cách tiếp cận vấn đề do người viết còn thiếu kinh nghiệm.

- Việc viết bài chưa trở thành động lực thực sự của nghiên cứu khoa học, đôi khi còn bị áp lực đảm bảo giờ chuẩn nghiên cứu khoa học chi phối.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng bài viết hội thảo, tọa đàm và bản tin của giảng viên khoa Lý luận cơ sở trong thời gian tới, cần phải quan tâm đến một số vấn đề sau:

- Cần tiếp tục nâng cao nhận thức chính trị và xác định rõ mục đích, ý nghĩa công tác tham gia viết bài hội thảo, tọa đàm và nội san của nhà trường. Ban Giám hiệu nhà trường, lãnh đạo khoa làm tốt công tác tuyên truyền về nhận thức sâu sắc và xác định rõ mục đích, nội

dung, vai trò, ý nghĩa của công tác viết bài cho giảng viên trong khoa, đặc biệt là lực lượng giảng viên mới, giảng viên đang tập sự.

- Giảng viên trong khoa tích cực chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung bài viết và kết cấu chủ đề nội dung các bài viết dựa theo định hướng chủ đề của trường. Các bài viết phải đảm bảo tính Đảng, tính khoa học, có ý nghĩa giáo dục tích cực, có tính thời sự và gắn với những vấn đề của thực tiễn đang diễn ra.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi giảng viên đối với nội dung bài viết. Đổi mới cách tiếp cận, kỹ năng thu thập xử lý thông tin phục vụ bài viết, tránh trích dẫn quá nhiều trong một bài viết mà thiếu ý kiến, nhận định của chính bản thân người viết.

- Ban Giám hiệu nhà trường, lãnh đạo khoa tăng cường công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về kết quả hoạt động tham gia viết bài hội thảo, tọa đàm và bản tin của giảng viên cả về số lượng và chất lượng của bài viết, qua đó, giúp giảng viên tiếp tục phát huy được những thế mạnh và dần khắc phục được những hạn chế của bản thân.

Hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động viết bài nghiên cứu khoa học cùng với hoạt động giảng dạy là những hoạt động gắn liền với nhiệm vụ của một người giảng viên tại các trường Chính trị tỉnh hiện nay. Việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thông qua các bài nghiên cứu, bài viết hội thảo, nội san... cũng không nằm ngoài mục đích giúp nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và hình thành phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại cho giảng viên. Do đó, mỗi giảng viên ngày càng phải chú trọng đến việc nâng cao chất lượng bài viết, đổi mới về nội dung, góp phần nâng cao năng lực, trình độ lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của mình nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, trao đổi nghiên cứu khoa học ngày càng cao, phấn đấu phát triển không ngừng cả về chất lượng và số lượng bài viết trong thời gian sắp tới./.

*\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ LUẬT VIÊN CHỨC CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/7/2020

Cán Hoàng Vân Hương\*

Ngày 25/11/2019, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV, Luật số 52/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020. Luật này sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010. Theo đó, kể từ ngày 01/7/2020, Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức đã có một số thay đổi như sau:

1. Đối với Luật Cán bộ, công chức:

**Một là, thay đổi về khái niệm công chức.**

Theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019, khái niệm công chức được quy định như sau: “*Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị*



Quốc hội chính thức thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức

*thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước”.*

Như vậy, theo quy định mới, Quốc hội khẳng định: công chức là những người được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh “*tương ứng với vị trí việc làm*”. Qua đó, khẳng định tầm quan trọng của vị trí việc làm trong quản lý công chức.

Đồng thời, theo khái niệm mới, công chức không còn đối tượng làm việc trong trong bộ máy lãnh đạo, quản

lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

**Hai là, thay đổi một số quy định về tuyển dụng công chức.**

- Về phương thức tuyển dụng công chức:

Điều 37 Luật Cán bộ, công chức 2008 chỉ quy định việc tuyển dụng công chức thông qua thi tuyển và xét tuyển. Việc tiếp nhận công chức không qua thi tuyển, xét tuyển được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, hiện nay, việc tiếp nhận công chức công chức đã được Luật hóa tại Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019.

Đối tượng được tuyển dụng thông qua xét tuyển cũng được quy định lại bao gồm các đối tượng sau:

+ Cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

+ Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

Như vậy, hiện nay, đối tượng được xét tuyển công chức không còn áp dụng đối với những người cam kết làm việc ở “miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số” mà chỉ còn áp dụng đối với những người làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đồng thời, bổ sung thêm đối tượng người học theo chế độ cử tuyển về công tác tại địa phương và sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng. Đây cũng có thể được xem như là một chính sách thu hút

đối với những người có tài năng.

- Về thẩm quyền tuyển dụng công chức:

Bên cạnh các cơ quan thực hiện tuyển dụng công chức được quy định tại Điều 39 Luật Cán bộ, công chức 2008 thì Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019 đã bổ sung thêm các cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức: Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Ngoài ra, Luật mới còn bổ sung thêm quy định về việc kiểm định chất lượng đầu vào đối với công chức được tuyển dụng thông qua hình thức thi tuyển. Việc tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào sẽ do Chính phủ quy định chi tiết.

**Ba là, các thay đổi liên quan đến ngạch công chức.**

- Bên cạnh các ngạch công chức được quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, hiện nay ngạch công chức được bổ sung thêm “ngạch khác theo quy định của Chính phủ”.

- Về việc nâng ngạch công chức, trước đây Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhận

vị trí việc làm tương ứng với ngạch cao hơn thì được đăng ký dự thi nâng ngạch. Tuy nhiên, hiện nay đối tượng này còn được bổ sung thêm hình thức xét nâng ngạch. Điều kiện để được xét nâng ngạch đó là: công chức có thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ trong thời gian giữ ngạch công chức hiện giữ, được cấp có thẩm quyền công nhận; được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm.

Bên cạnh đó, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức hiện nay cũng đã được Luật hóa thay vì được điều chỉnh tại các Nghị định, Thông tư như trước đây.

**Bốn là, điểm mới về công tác đánh giá cán bộ, công chức.**

Theo quy định trước đây, việc đánh giá công chức được thực hiện hàng năm. Hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức 2019 đã bổ sung thêm trường hợp có thể thực hiện đánh giá công chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Kết quả đánh giá cán bộ cũng được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Quy định trước đây, kết quả đánh



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

giá chỉ được thông báo cho cá nhân cán bộ được đánh giá.

**Năm là, thay đổi về phân loại cán bộ, công chức.**

Từ “phân loại” cán bộ, công chức hiện nay đã được thay thế bằng cụm từ “xếp loại chất lượng” cán bộ, công chức.

Mức xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực” hiện nay được thay bằng mức “Hoàn thành nhiệm vụ”.

**Sáu là, thay đổi liên quan đến kỷ luật cán bộ, công chức.**

- Luật mới bổ sung thêm trường hợp: cán bộ bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Hình thức kỷ luật này cũng được áp dụng tương tự đối với công chức.

- Đối với công chức, Luật mới còn bổ sung thêm quy định: hình thức hạ bậc lương chỉ áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- **Về thời hiệu xử lý kỷ luật cán bộ, công chức,** trước đây, Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng đối với mọi hành vi vi phạm. Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung đã quy định lại về vấn đề này, cụ thể:

Các trường hợp sau đây sẽ không áp dụng thời hiệu

xử lý kỷ luật:

+ Cán bộ, công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

+ Cán bộ, công chức có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

+ Cán bộ, công chức có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

+ Cán bộ, công chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Ngoài 4 trường hợp trên, các trường hợp còn lại được quy định thời hiệu xử lý kỷ luật như sau:

+ 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

+ 05 năm đối với các hành vi vi phạm khác.

- **Về thời hạn xử lý kỷ luật cán bộ, công chức,** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức 2019 quy định tăng thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, cụ thể là không quá 90 ngày so với quy định trước đây là không quá 02 tháng; trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá

150 ngày, trước đây là không quá 04 tháng.

- **Về việc xử lý cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật,** theo quy định trước đây, việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức được áp dụng chung cho các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức như sau: không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực. Hiện nay, Luật chia ra thành 2 nhóm với mức kỷ luật khác nhau, cụ thể:

+ Trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo hoặc hạ bậc lương thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

+ Trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức giáng chức hoặc cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

- Theo quy định mới, đối với **cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu,** cũng có thể bị xử lý kỷ luật. cụ thể như sau:

+ Mọi hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

việc, nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

+ Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật.

2. Đối với Luật Viên chức

***Thứ nhất, các điểm mới liên quan đến hợp đồng làm việc của viên chức.***

Theo quy định tại Điều 25 Luật Viên chức năm 2010, có 02 loại hợp đồng làm việc đối với viên chức là hợp đồng làm việc xác định thời hạn và hợp đồng làm việc không xác định thời hạn. Thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc xác định thời hạn là từ đủ 12 tháng đến 36 tháng. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn được áp dụng với viên chức đã thực hiện xong hợp đồng làm việc xác định thời hạn và trường hợp cán bộ, công chức chuyển thành viên chức theo quy định. Như vậy, có thể hiểu là bất kỳ viên chức nào cũng

được thực hiện hợp đồng không xác định thời hạn, còn gọi là chế độ “biên chế suốt đời” của viên chức.

Tuy nhiên, theo Luật sửa đổi, bổ sung, viên chức hiện nay chỉ còn được áp dụng chế độ làm việc không xác định thời hạn với các trường hợp sau:

+ Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020.

+ Cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức theo quy định.

+ Người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Đồng thời, quy định mới cũng đã nâng thời hạn tối đa của hợp đồng xác định thời hạn từ 36 tháng lên 60 tháng.

Có thể nói, việc sửa đổi quy định này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn quản lý viên chức hiện nay, đòi hỏi viên chức phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tạo điều kiện lựa chọn được những viên chức đáp ứng được yêu cầu của công việc và thật sự có tâm huyết với nghề.

***Thứ hai, các thay đổi trong đánh giá viên chức.***

So với quy định trước đây tại Điều 41 Luật Viên chức năm 2010, nội dung đánh giá viên chức chỉ được quy định một cách chung chung: theo “Kết quả thực hiện công việc

hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết”; thì hiện nay, Luật mới đã quy định cụ thể, việc đánh giá viên chức phải dựa trên kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải gắn với vị trí việc làm, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

Như vậy, cũng như đối với công chức, Luật khẳng định vai trò quan trọng của việc quản lý viên chức theo vị trí việc làm, dựa trên kết quả và sản phẩm cụ thể. Quy định này giúp cho việc đánh giá viên chức mang tính định lượng cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đánh giá viên chức, đồng thời đảm bảo tính công khai, công bằng, khách quan trong đánh giá.

***Thứ ba, các thay đổi trong kỷ luật viên chức.***

- Về thời hiệu xử lý kỷ luật, theo quy định cũ, thời hiệu xử lý kỷ luật đối với viên chức là 24 tháng với mọi hành vi vi phạm. Theo quy định mới, thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định riêng đối với những hành vi vi phạm khác nhau, cụ thể:

Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

+ Viên chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

+ Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

+ Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

+ Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Ngoài các trường hợp không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật nêu trên, thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:

+ 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

+ 05 năm đối với hành vi vi phạm khác.

- **Về thời hạn xử lý kỷ luật**, Luật sửa đổi, bổ sung cũng kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật đối với viên chức lên không quá 90 ngày so với trước đây là không quá 02 tháng, trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày, trước đây là 04 tháng.

- **Về xử lý kỷ luật đối với viên chức**:

Luật viên chức năm 2010

quy định: “viên chức bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực”.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức 2019 quy định lại, chia ra thành các trường hợp như sau:

+ Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;

+ Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cách chức thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

Như vậy, quy định mới đã tăng mức kỷ luật nặng hơn đối với trường hợp viên chức bị kỷ luật bằng hình thức cách chức. Bên cạnh đó, so với quy định cũ là viên chức bị xử lý kỷ luật thì không được bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng thì hiện nay, viên chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo, trong thời hạn 12 tháng vẫn có thể được bổ nhiệm lại nhưng không được bổ nhiệm chức vụ cao hơn.

Năm là, việc xem xét

**nghỉ hưu đối với viên chức đã được nói lỏng.**

Luật Viên chức năm 2010 quy định “viên chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được bổ nhiệm, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc”. Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung đã bỏ nội dung “giải quyết nghỉ hưu”. Như vậy, theo quy định mới, việc xem xét nghỉ hưu đối với viên chức đã được nói lỏng, viên chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, bị điều tra, truy tố, xét xử vẫn có thể được xem xét giải quyết nghỉ hưu.

Trên đây là những điểm mới cơ bản liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động quản lý cán bộ, công chức, viên chức được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Những điểm mới trong Luật đòi hỏi chính bản thân cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm chỉnh, bên cạnh đó cũng đòi hỏi những cá nhân, tổ chức có liên quan tôn trọng và thực hiện chính xác, đầy đủ./.

\* **Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật**



## VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

ThS Lưu Thị Xuân\*

**G**ia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ hạnh phúc là một trong những mục tiêu quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực của gia đình để đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với xã hội hiện nay.

Cho nên, chúng ta cần phải nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của gia đình trong việc chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước nêu cao trách nhiệm của gia đình trong xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hoá, phát triển cao về trí tuệ, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội, quan tâm về xây dựng kỹ năng, tổ chức cuộc sống gia đình và mối quan hệ gia đình, bình

đẳng giới, phòng chống bạo lực tăng cường hiệu quả giáo dục về gia đình, tôn vinh những giá trị nhân văn sâu sắc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa kế thừa và phát huy truyền thống gia đình Việt Nam, đồng thời xác định rõ vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác gia đình, đề ra yêu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ phát triển đất nước hiện nay.

Trong điều kiện hiện nay có một vài sự thay đổi xã hội hiện đại ngày nay đã tác động đến gia đình đó là: mức độ đô thị hóa, gia tăng dân số đô thị. Đô thị hóa và tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã làm thay đổi nhịp sống của con người và xã hội. Trong điều kiện như vậy thì gia đình hai thế hệ (bố mẹ và con cái) là thích hợp nhất. Ở nước ta tỷ lệ gia đình nhiều thế hệ còn nhiều, nhất là ở nông thôn. Tuy nhiên để giải quyết vấn đề này không phải đơn giản vì nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: điều kiện xã hội, sự phát triển của xã hội, phong tục tập quán... Các gia đình nhỏ (hai thế hệ) có ưu điểm là: đơn giản

về các mối quan hệ của mọi người trong gia đình, về tự do dân chủ. Nhưng đồng thời với sự ưu việt đó là tất cả những gánh nặng về sinh hoạt, về tâm lý dồn cả lên vai các cặp vợ chồng. Mỗi người phải thực hiện nhiều chức năng, nghĩa vụ khác nhau trong gia đình và điều đó tạo sự phụ thuộc liên đới rất lớn giữa các cặp vợ chồng. Như vậy, trong các gia đình hai thế hệ trách nhiệm của mỗi người tăng lên, vai trò của mỗi người đa dạng hơn, các mối quan hệ trong gia đình phát triển theo chiều sâu. Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà một trong những nguyên nhân dẫn đến xung đột trong các gia đình.

Bên cạnh đó ngày nay hầu hết phụ nữ đều tham gia lao động sản xuất và công tác xã hội, vừa phải có trách nhiệm với gia đình, vừa phải thực hiện trách nhiệm với công việc của mình, với xã hội. Điều này đòi hỏi cần phải đáp ứng một số yêu cầu nảy sinh như: gia tăng mạng lưới phục vụ sinh hoạt, xây dựng thêm các trường học, nhà trẻ, chế độ ưu đãi đối với bà mẹ và trẻ em. Tuy nhiên, xã hội ngày nay chưa thể đáp

ứng được tất cả những yêu cầu này. Do vậy, cần xây dựng mối quan hệ mới giữa phụ nữ và nam giới trong các gia đình để tạo điều kiện cho người phụ nữ tham gia lao động và công tác xã hội. Tuy nhiên lôi kéo nam giới vào công việc gia đình (mà xưa nay vẫn quan niệm là công việc của phụ nữ) là rất khó khăn, cho nên gánh nặng gia đình ngày càng đè nặng lên vai người phụ nữ. Phần lớn các cuộc xung đột trong gia đình đều do sự phân bổ không đều về gánh nặng gia đình như về kinh tế, về các công việc nhà. Điều đó có thể giải thích vì sao đa số những người làm đơn xin ly hôn lại là phụ nữ. Như vậy, cần có sự phân công một cách hợp lý trách nhiệm gia đình, giảm nhẹ gia đình.

Sự bình đẳng giữa nam, nữ ngày nay đã tạo ra sự thay đổi quan niệm “người đàn ông là trụ cột gia đình”. Trong gia đình, vai trò trụ cột được xây dựng trên cơ sở của những yếu tố tâm lý xã hội. Cụ thể, người trụ cột trong gia đình là người có uy tín nhất, có tiếng nói quyết định trong nhiều vấn đề về cuộc sống gia đình, có những đặc điểm về đặc tính cá nhân như thông minh, có đạo đức, có ý chí. Bởi vậy, cuộc hôn nhân bình đẳng làm cho ưu thế “cổ truyền” của người chồng trong gia đình không

còn, dẫn đến sự tranh giành quyền lực từ đó xảy ra xung đột, mâu thuẫn nảy sinh trong gia đình.

Một khuynh hướng quan trọng nữa ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong gia đình là sự phát triển của công tác y tế, chế độ bảo trợ xã hội, các điểm sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, thể thao... Sự phát triển này đã làm thay đổi các mối quan hệ trong gia đình. Nhiều chức năng truyền thống của gia đình: giáo dục con cái, trợ cấp nuôi dưỡng, tổ chức sinh hoạt, vui chơi giải trí... được xã hội hóa dần dần. Gia đình sẽ còn lại cái gọi là “chức năng biện pháp tâm lý”, tức là đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành viên; nâng đỡ về mặt tinh thần tạo điều kiện để các cá nhân phát triển và tự bộc lộ nhân cách của mình. Như thế, gia đình không phải là nơi tái sản xuất cuộc sống, mà là nơi trong đó con người được nâng đỡ về mặt tinh thần, về tâm lý. Cũng như việc giáo dục chăm sóc trẻ em. Trẻ em là hạnh phúc, là tương lai của mọi gia đình là sự kỳ vọng lớn lao của xã hội, của một dân tộc. Bên cạnh ý nghĩa nổi tiếp về mặt sinh học trẻ em còn là sự nối tiếp về truyền thống của gia đình của cả dân tộc về những kiến thức kỹ năng kinh nghiệm, hành vi, chuẩn mực trong lao động, văn hóa, tri

thức, kỹ năng duy trì và phát triển những giá trị truyền thống nghề nghiệp cho thế hệ trẻ. Trong gia đình chăm sóc thường gắn liền với bảo vệ trẻ đảm bảo môi trường an toàn nhất tránh những rủi ro đáng tiếc xảy ra làm tổn thương tinh thần và thể xác của trẻ em.

Đồng thời việc chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ, ông bà là đạo lý truyền thống là trách nhiệm của con cháu và các thành viên trong gia đình có ý nghĩa quyết định, gia đình có người cao tuổi khỏe mạnh vui vẻ gần gũi với con cháu thể hiện nền nếp gia phong, truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ. Vai trò thực hiện an sinh xã hội chăm sóc người ốm, người tàn tật, khuyết tật. Tích cực tham gia đóng góp phát triển kinh tế, chăm sóc sức khỏe, luyện tập thể dục, thể thao cho các thành viên trong gia đình. Bên cạnh đó, gia đình còn có vai trò hết sức quan trọng đối với cộng đồng và xã hội thường xuyên giáo dục các thành viên thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Phối hợp

☞ *Tiếp theo trang 42.*

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÂY DỰNG  
VÀ Củng cố CHÍNH QUYỀN SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM**

*ThS Nguyễn Chí Hòa\**

**T**raï qua 15 năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Một Nhà nước cách mạng kiểu mới đã ra đời ở Việt Nam - Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Với trăm công ngàn việc của người đứng đầu Nhà nước non trẻ sau cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm trí, công sức cho việc xây dựng và củng cố chính quyền. Trong vòng hơn một tháng sau ngày Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có gần 10 bài viết chỉ đạo về vấn đề này. Những bài viết đó ngắn gọn nhưng hàm chứa nội dung sâu sắc, là Di huấn quan trọng cho việc xây dựng, củng cố chính quyền hiện nay.

Ngay sau khi giành được chính quyền, Đảng ta và Chủ

tịch Hồ Chí Minh đã cùng toàn dân xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân. Ngay sau một tháng kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trong bài Chính phủ là công bộc của dân Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: *“Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”*<sup>(1)</sup>.

Về tư cách, phẩm chất và trách nhiệm của chính quyền nhân dân ở các địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ yêu cầu: *“Các Ủy ban nhân dân làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui lọt vào các Ủy ban đó”*. Người nhấn mạnh: *“Ủy ban nhân dân làng trái với các hội đồng kỳ mục cũ*

*thối nát, sẽ làm những việc có lợi cho dân, không phạm vào công lý, vào tự do của dân chúng. Nó hết sức tránh những cuộc bắt bớ đánh đập độc đoán, những cuộc tịch thu tài sản không đúng lý. Ủy ban nhân dân thận trọng hết sức trong chỗ chỉ dùng công quỹ, không dám tùy ý tiêu tiền vào những việc xa phí như ăn uống”* *“Những nhân viên ủy ban sẽ không lợi dụng danh nghĩa Ủy ban để gây bè tìm cánh, đưa người “trong nhà trong họ” vào làm việc với mình”* ... *“Ủy ban nhân dân là Ủy ban có nhiệm vụ thực hiện tự do dân chủ cho dân chúng. Nó phải hành động đúng tinh thần tự do dân chủ đó”*<sup>(2)</sup>.

Một điều dễ nhận thấy là vai trò quan trọng của chính quyền ở địa phương và cơ sở trong việc thực thi dân chủ trực tiếp với nhân dân. Những ngày tháng sau Cách mạng Tháng Tám Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian viết nhiều bài về xây dựng các Ủy ban nhân dân. Ngày 11-9-1945, Người viết bài Cách thức tổ chức các Ủy ban nhân dân. Ngày 04-10-1945 Người viết



bài: Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn của các Ủy ban nhân dân. Ngày 12-10-1945, Người lại viết bài Sao cho được lòng dân ? Người nhấn mạnh: *“Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được đặc biệt chú ý”* *“muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”*<sup>(3)</sup>. Đặc biệt trong thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng ngày 17-10-1945 Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho nhân dân chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị Pháp - Nhật”* và với trọng trách của Người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ bản chất cách mạng và dân chủ của chính quyền nhân dân, nguồn gốc sức mạnh của chính quyền là ở sự gắn bó với nhân dân, hết lòng,

hết sức mưu cầu tự do, hạnh phúc cho nhân dân. *“Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”*.<sup>(4)</sup>

Để thực hiện được nhiệm vụ, làm tròn bổn phận, chức trách, giữ gìn được tư cách, phẩm chất chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chú trọng rèn luyện đội ngũ cán bộ chính quyền. Chỉ hơn một tháng sau khi thành lập chính quyền cách mạng, trong thư gửi Ủy ban nhân dân các cấp Người đã chỉ rõ: *“Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ, và rất được lòng dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi nặng nề”*. Người đã thẳng thắn chỉ ra những lầm lỗi chính như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo. Người đã chỉ rõ những biểu hiện cụ thể của từng lỗi lầm đó. Trong những lỗi lầm đó nổi bật lên là bệnh tham ô, xa hoa, lãng phí, quan liêu và hách dịch với dân. Người nghiêm khắc phê phán những

biểu hiện như: *“ngang tàng, phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân”*. Trong khi đời sống của dân còn đói khổ mà cán bộ *“Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, thử hỏi tiền bạc ấy ở đâu ra? Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”*<sup>(5)</sup>. Những biểu hiện kéo bè, kéo cánh, cá nhân, cục bộ, không vì việc chung v.v.. cũng rất nặng nề. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán gay gắt thái độ, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt *“quan cách mạng”* hoặc là độc hành, độc đoán, hoặc là dĩ công, dinh tư (lấy của chung làm của riêng), thậm chí dùng pháp công để báo thù tư (dùng pháp luật nhà nước để trả thù riêng). Thái độ đó làm mất lòng tin cậy của dân và uy tín của Chính phủ.

Với công việc mới mẻ của chính quyền, Hồ Chí Minh đã thẳng thắn nêu lên một thực trạng: *“Chúng ta phải thật thà thừa nhận rằng kinh nghiệm của chúng ta còn ít, tài năng của chúng ta còn kém mà công việc thì nhiều”*. Người thẳng thắn phê phán những khuyết điểm của cán bộ chính quyền với mong

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

muốn mọi người sửa chữa để chính quyền ngày càng hoàn thiện và làm việc tốt hơn. Người nêu rõ: *“Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung”*<sup>(6)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặt ra yêu cầu mọi cán bộ phải thường xuyên tự phê bình, tự giáo dục, tự chỉ trích để khắc phục khuyết điểm và cái hư hỏng trong mỗi người và trong bộ máy. Người đòi hỏi cán bộ phải nhận thức và tự giáo dục không ngừng, cần phải có sự thành thực vạch ra những khuyết điểm sai lầm mà sửa đổi đi. Sau khi làm xong một công tác gì, hay sau mỗi ngày làm việc, cần phải tự mình kiểm điểm xem có chỗ nào nhầm lẫn, chỗ nào chưa đầy đủ, có được ưu điểm gì nên nhớ, có được kinh nghiệm gì quý đáng ghi. Phải bỏ thái độ *“xong việc thì thôi”*. *“Không chịu tự phê bình, tự chỉ trích thì không bao giờ tiến tới được”*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng những khuyết điểm nhỏ của cán bộ thì làm cho dân chúng hoang mang, lớn thì ảnh hưởng đến khối

đoàn kết toàn dân. Vì vậy, chúng ta phải lập tức sửa đổi ngay. Chúng ta không sợ có khuyết điểm mà chỉ sợ không có quyết tâm sửa đổi. Cùng với câu hỏi *“làm sao cho được lòng dân”*. Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở thường nhật đối với các cấp chính quyền hiện nay.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để củng cố và tăng cường chính quyền là phải thực hiện quyền dân chủ cho quần chúng, phải *“xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định Hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức”*. Vì vậy, ngày 3-9-1945, tức là một ngày sau khi Nhà nước cách mạng ra đời, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, dòng giống...”*. Và chỉ hơn 4 tháng sau ngày Độc Lập, toàn thể nhân dân ta đón chào ngày hội lớn - ngày Tổng tuyển cử. Dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc và phong kiến, người dân Việt Nam bị tước đoạt mọi quyền dân chủ. Cách mạng tháng Tám đã thổi một luồng gió mới vào mọi mặt

của đời sống xã hội, đem lại quyền làm chủ cho mỗi công dân. Lần đầu tiên, mọi người được tự do thảo luận, bàn bạc và chọn lựa những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Viết về ý nghĩa của Tổng tuyển cử, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *“Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà. Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết”*<sup>(7)</sup>.

Nhấn mạnh dân chủ, đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng quản lý đất nước, xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, quan tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền. Với tư cách là người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, Trưởng ban soạn thảo Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy trí tuệ của Đảng, toàn dân cùng với Quốc hội được bầu ra ngày 6/1/1946 soạn thảo bản Hiến pháp dân chủ, đó là bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước cách mạng mới được xây dựng qua 14 tháng, đã có được bản Hiến pháp do Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 9/11/1946. Đó là hiện tượng đặc biệt của lịch sử các cuộc cách mạng trên thế giới. Đặc biệt, trong

**NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

hoàn cảnh cách mạng nước ta “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” phải vượt qua bao khó khăn, thách thức, việc thông qua Hiến pháp càng có ý nghĩa quan trọng về thực tiễn và pháp lý.

Tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta mong muốn và đã làm hết sức mình để xây dựng, củng cố vững chắc Nhà nước kiểu mới - Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước và bộ máy chính quyền các cấp thật sự là công bộc của nhân dân, gần bó mật thiết với nhân dân, hết lòng vì nhân dân. Chăm lo xây dựng Hiến pháp và hệ thống luật pháp phản ánh ý chí, nguyện

vọng, lợi ích và quyền lực của nhân dân, quyền làm chủ đất nước và xã hội của nhân dân. Hoạt động thực tiễn của chính quyền Nhà nước và nội dung Hiến pháp, pháp luật cũng thể hiện đường lối, mục tiêu cách mạng của Đảng Cộng sản. Chính nhờ sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh mà bản chất cách mạng, bản chất nhân dân, tính chất dân chủ triệt để được giữ vững và tăng cường. Cũng nhờ sự lãnh đạo đó mà sức mạnh và thực lực của chính quyền nhân dân không ngừng được củng cố, bảo đảm cho Nhà nước non trẻ vượt qua được những khó khăn, thách thức, hiểm nghèo giữ vững và phát triển thành

quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử./.

**Tài liệu tham khảo**

(1) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 22

(2) Hồ Chí Minh : Sđd, t4, tr 23

(3) Hồ Chí Minh : Sđd, t4, tr 48

(4) Hồ Chí Minh : Sđd, t 4, tr 56

(5) Hồ Chí Minh : Sđd, t 4, tr 57

(6) Hồ Chí Minh : Sđd, t 4, tr 58

(7) Hồ Chí Minh : Sđd t 4, tr 133

*\* Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật*

**Tiếp theo trang 38    VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH ...**

với nhà trường, các tổ chức xã hội trong giáo dục con, giáo dục đạo đức và hướng nghiệp đảm bảo cho tương lai hạnh phúc của con em phát triển ổn định bền vững.

Hiện nay, gia đình là đối tượng được tất cả mọi người quan tâm. Đó là một tế bào quan trọng của đời sống xã hội và có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Thường xuyên quan tâm, nghiên cứu và giải quyết các yếu tố có liên quan đến gia đình là việc làm cần thiết. Điều này sẽ giúp cho việc điều chỉnh sự hài hòa các mối quan hệ trong gia đình, giữa các gia đình với các gia đình khác với cả cộng đồng để tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi nhân cách phát triển một cách toàn diện, tạo ra sự phát triển chung cho toàn xã hội.

Như vậy, gia đình là một phần rất quan trọng của cuộc sống hàng ngày giúp chúng ta trong việc cải thiện nhân cách của mỗi người là nơi giúp chúng ta trong việc định hình cuộc sống là nơi cho chúng ta có thêm giá trị của tình yêu, tình cảm, chăm sóc, trung thực, tự tin và cung cấp cho chúng ta công cụ và gợi ý đó là cần thiết để có được thành công trong cuộc sống, là nơi chúng ta có thể là chính mình. Đó là một nơi mà được chấp nhận cho những gì chúng ta đang có. Vì vậy, gia đình là rất quan trọng đối với mỗi cá nhân để chúng ta, đây chính là động lực cho mỗi cá nhân phát triển về nhân cách, công việc và cuộc sống giúp cho xã hội ổn định phát triển bền vững./.

*\* Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật*

## TÀI NĂNG VÀ SÁNG TẠO NGUỒN SỨC MẠNH LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA THANH NIÊN

Nguyễn Thị Khánh Linh\*

**T**raï qua hàng ngàn năm không ngừng tiến hóa, bằng sự sáng tạo của mình, từ những công cụ thô sơ bằng đá trong buổi bình minh lịch sử con người đã tạo ra nhiều thành tựu đáng kinh ngạc như: tàu vũ trụ, công nghệ viễn thông, tin học, kỹ thuật số ngày nay. Chính tài năng và sự thông minh, sáng tạo của loài người đã đưa trình độ sản xuất mỗi ngày được nâng cao; xây dựng nên xã hội văn minh, tiến bộ và đang tiếp tục con đường tất yếu tiến tới tương lai huy hoàng, rực rỡ hơn. Với lòng khao khát tìm tòi, khám phá thế hệ nọ nối tiếp thế hệ kia đã liên tục đưa tài năng, sự sáng tạo mỗi ngày lên một trình độ cao hơn. Và tài năng, sự sáng tạo đã trở thành bản năng thường trực, tính cố hữu đáng quý của con người.

Trong cuộc đời của mỗi người, tuổi thanh niên là tuổi mà tài năng và sức sáng tạo có điều kiện hình thành và phát triển mạnh mẽ nhất. Vì thế nói đến tài năng và sức sáng tạo ai cũng nghĩ trước tiên là thanh niên. Tuổi trẻ là tuổi của những ước mơ, hoài bão, hăng say, sôi nổi, dám nghĩ, dám làm. Chính trong quá trình áp ủ và thực hiện những ước mơ, hoài bão đó mà tài năng và nhu cầu sáng tạo của thanh niên đã hình thành và phát triển.

Chế độ xã hội chủ nghĩa với bản chất ưu việt và mục đích cao cả đã tạo điều kiện cho thanh niên không những xứng đáng là một người chủ xã hội hiện tại mà còn là một người chủ của xã hội tương lai. Nước ta từ một nước nghèo nàn, lạc hậu đã tiến lên chủ nghĩa xã hội với những bước đi thích hợp và điều kiện cụ thể; cho nên cách mạng nước ta càng đòi hỏi nhân dân ta nhất là thế hệ trẻ phải phát huy cao độ tính chủ động, sự sáng tạo của mình. Bác Hồ cũng đã rất tin tưởng vào thế hệ trẻ khi Người cho rằng “Chỉ có dựa vào

thế hệ trẻ mới đủ sức làm nên sự nghiệp lớn”. Trong suy nghĩ của Người “Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là nhờ thanh niên”.

Tuổi trẻ nước ta hiện nay được thừa hưởng một gia sản và truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Chúng ta lớn lên trong một đất nước hoàn toàn độc lập, tự do, sống có lý tưởng và có nhiều hoài bão, ước mơ. Một trong những ước mơ đẹp nhất hiện nay của thế hệ trẻ là có tài năng để cống hiến xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ước mơ đó là hết sức chính đáng, hoàn toàn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nước ta hiện nay và rất xứng đáng được cổ vũ, tạo điều kiện, giúp đỡ thực hiện.

Tài năng mà thanh niên mơ ước có được đó chính là năng lực làm việc tốt, năng lực để hoàn thành một nhiệm vụ, một công việc nào đó ở mức độ cao. Tuy nhiên, chúng ta không nên nhầm lẫn giữa khái niệm tài năng với văn bằng. Văn bằng chứng nhận cho một trình độ nhất định về một vấn đề cụ thể nào đó nhưng văn bằng không phải là biểu hiện duy nhất chứng nhận cho tài năng. Chứng nhận đúng đắn nhất cho tài năng là kết quả trong quá trình lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu,...

Tài năng là biểu hiện tri thức của con người. Nó được hình thành và phát triển qua quá trình học tập, bồi dưỡng, rèn luyện trong thực tế, trong đấu tranh làm chủ thiên nhiên, đấu tranh làm chủ xã hội. Kể cả một số người cá biệt có tài năng bẩm sinh và trí thông minh xuất chúng từ rất sớm cũng phải trải qua học tập trang bị kiến thức, rèn luyện trong thực tế mới có thể thành tài. Bốn chữ “Khô luyện



thành tài” mà nhân dân ta đã tổng kết thành câu châm ngôn từ bao đời nay luôn luôn có đầy đủ giá trị lý luận và thực tiễn.

Tài năng có vị trí hết sức quan trọng, có tính quyết định trong đời sống con người cũng như sự phát triển của xã hội. Xã hội ngày càng tiến lên càng có nhiều yêu cầu lớn lao ở mức độ cao và đa dạng về tài năng của con người. Tài năng nếu không được tiếp tục phát triển sẽ trở thành lạc hậu đối với yêu cầu của xã hội. Cho nên, hơn ai hết thế hệ trẻ chúng ta cần luôn luôn cảnh giác với tính tự mãn về tài năng và phải không ngừng rèn luyện nâng cao năng lực để tài năng ngày càng phát triển.

Chúng ta vẫn thường nói óc sáng tạo, tinh thần sáng tạo trong sản xuất, trong lao động, học tập... và dùng từ ‘sáng tạo’ để chỉ việc đem tài năng dùng vào việc làm ra những cái mới mà từ trước đến nay chưa có ai làm ra hoặc tìm ra được; tìm được cách giải quyết tốt, không gò bó trong khuôn mẫu, cách thức đã có sẵn. Nhờ có sáng tạo mà nhiều vấn đề tưởng như không thể giải quyết được đã được giải quyết tốt, có những khó khăn tưởng như không thể khắc phục được thì đã được khắc phục nhanh chóng.

Sáng tạo thường đi đôi với tuổi trẻ, tất nhiên không phải cứ ai quá tuổi thanh niên là hết sức sáng tạo, nhưng sức sáng tạo là một trong những đặc tính hết sức quý giá của tuổi trẻ. Thế hệ trẻ của chúng ta hiện nay được kế thừa những di sản quý báu của các thế hệ trước và trong thời đại mà khoa học kỹ thuật phát triển vượt bậc, hoàn cảnh khách quan của đất nước đang tạo ra những điều kiện thuận lợi; nhất định chúng ta sẽ giàu tính sáng tạo và dùng khả năng sáng tạo đó tạo ra những thành tựu to lớn hơn thế hệ trẻ trước đây.

Tài năng là tiền đề, là cơ sở cho sáng tạo. Qua sáng tạo, tài năng được phát triển và nâng cao. Thanh niên chúng ta nếu chỉ có nhiệt tình và sự hăng say nhưng tài năng lại kém thì không thể có sáng tạo hoặc chỉ có lòng ham muốn sáng tạo mà không thực hiện được. Vì vậy mà chúng ta phải chịu khó và

không ngừng học hỏi để mở rộng sự hiểu biết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phải tích cực học tập, rèn luyện và nâng cao bản lĩnh, tài năng thuộc lĩnh vực công tác của mình. Cũng như “Ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Nếu có tài năng nhưng lại thiếu đi tinh thần làm chủ tập thể, thiếu đi sự năng nổ và lòng đam mê sáng tạo, không dám nghĩ, không dám làm, không chịu khắc phục khó khăn và không dám chịu trách nhiệm thì cũng khó sáng tạo và tài năng sẽ khó phát triển, có nguy cơ bị “han gỉ”, bị mòn dần.

Tài năng và sáng tạo là thước đo ý thức và năng lực làm chủ tập thể của thanh niên. Vì vậy, cần phải có những biện pháp nhằm động viên và khuyến khích để thế hệ trẻ phát huy được tinh thần làm chủ, phát huy tài năng và sáng tạo, ra sức phấn đấu góp phần tích cực hoàn thành thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng, thế hệ trẻ chúng ta trước hết cần phải nhận thức sâu sắc và đầy đủ về nhiệm vụ của mình đối với đất nước với tinh thần “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”. Mặt khác chúng ta phải ra sức học tập, không ngừng nâng cao trình độ; rèn luyện, bồi dưỡng năng lực, phát triển tài năng; không ngừng sáng tạo; không sợ gian khổ khó khăn, không lùi bước trước mọi thất bại, dám nghĩ dám làm để thực hiện những ước mơ, hoài bão của mình. Phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tích cực đấu tranh với bản thân và trong tập thể của mình chống lại tư tưởng tự ti, an phận thủ thường, không có ý chí phấn đấu vươn lên; cho rằng cuộc đời mình còn trẻ, trước mắt hãy còn ngày rộng, tháng dài, đi đâu mà vội; dẫn đến việc không chịu học tập, rèn luyện để có tài năng hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, tích cực đấu tranh chống thái độ chủ quan, tự mãn của một số thanh niên về “tài năng” của mình, không tiếp tục phấn đấu vươn lên, cũng như thái độ “nước chảy bèo trôi” không đặt yêu cầu nghiêm khắc đối với bản thân.

☞ *Tiếp theo trang 52*

## **THỰC HIỆN TỐT NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

*ThS Lê Quang Sơn\**

**G** iám sát là lĩnh vực mới được Đảng, Nhân dân giao phó cho MTTQ trong việc góp phần công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền. Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu nhiệm vụ: “Làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân”. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Lâm Đồng đã từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành công văn số 3567-CV/TU ngày 07/01/2014 về triển khai Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và của tỉnh về công tác giám sát và phản biện xã hội; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng đã chủ trì phối hợp với các tổ chức đoàn thể tỉnh tiến hành triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện giám sát liên thông 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) gắn với phát động phong trào nhân dân trong tỉnh và đã đạt được một số kết quả sau:

*Giám sát quá trình xây dựng chính sách pháp luật*

Thời gian qua, UBMTTQVN tỉnh Lâm

Đồng và các tổ chức thành viên đã tích cực tham gia 12 thẩm định để góp ý, đề xuất, kiến nghị đối với dự thảo một số chính sách, chương trình, dự án của Chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các dự án luật, pháp lệnh do các cơ quan có thẩm quyền soạn thảo, dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng cũng như đề án nhân sự trước các kỳ đại hội của tổ chức đảng các cấp; tham gia việc tuyển chọn bổ nhiệm Thẩm phán, Kiểm sát viên; đồng viên nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, thị trấn; tổng hợp kiến nghị của nhân dân để phản ánh cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý. Thực hiện lấy 1.224 phiếu tín nhiệm các chức vụ chủ chốt cấp xã và trưởng thôn, tổ dân phố. Giám sát 28 lượt về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức các đoàn giám sát việc chấp hành thực hiện pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị; việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân... UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng cũng đã kiến nghị với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều chỉnh một số chính sách, biện pháp liên quan trực tiếp tới quyền và lợi ích của người dân nhưng chưa thật sát với thực tiễn.

*Giám sát thông qua cử đại diện tham gia đoàn giám sát*

UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã tham gia cùng Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội đã tiến hành 280 cuộc giám sát tại các cơ quan, đơn vị. Nội dung giám sát tập trung vào những vấn đề bức xúc, nóng và dư luận

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

đang quan tâm, như: Đất đai, khoáng sản, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện quy chế dân chủ, về chế độ chính sách cho người có công, chính sách xã hội,...

*Giám sát thông qua các hội đồng, các ban chỉ đạo*

Thực hiện chương trình phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban chỉ đạo về toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã cử đại diện tham gia làm thành viên để thực hiện hơn 50 cuộc giám sát, cụ thể: Tham gia với Viện kiểm sát nhân dân về giám sát trại tạm giữ, tạm giam, về thi hành án hình sự tại địa phương, việc quản lý đối tượng chấp hành án hình sự cho hưởng án treo và việc chấp hành xong án phạt tù trả về địa phương tái hòa nhập cộng đồng; tham gia với Đoàn giám sát của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại các cơ quan, đơn vị và UBND cấp cơ sở; tham gia cùng Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”,...

*Giám sát thông qua việc tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của nhân dân*

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã tiếp nhận gần 700 ý kiến phản ánh của nhân dân. Qua các ý kiến phản ánh, kiến nghị UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã chuyển đến các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, giải quyết. Đồng thời, UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia công tác đối thoại của Bí thư các cấp ủy Đảng. Đến nay, việc tiếp xúc, đối thoại giữa bí thư các cấp ủy đảng trong tỉnh với nhân dân đã được thực hiện ở 03 cấp từ tỉnh đến cơ sở.

*Giám sát thông qua tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân*

Trong 05 năm qua, số lượng công nhân đến UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng ngày càng đông, chứng tỏ lòng tin của nhân dân đối với Mặt trận

Tổ quốc ngày càng cao. Năm 2014 chỉ có 180 lượt công dân đến năm 2019 lên đến 400 lượt công dân. Số lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo có chiều hướng gia tăng, trong đó nhiều vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, tranh chấp đất đai,...

*Giám sát độc lập theo chương trình giám sát hàng năm*

UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện hơn 140 cuộc giám sát tại các cơ quan, đơn vị về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm, chính sách an sinh xã hội, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế Qua giám sát phát hiện các tồn tại như: phát hiện có 2.050 thẻ trùng, 4.560 thẻ bảo hiểm y tế chưa cấp cho nhân dân còn tồn đọng tại xã, thôn. Sau giám sát, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình cấp phát, sử dụng thẻ bảo hiểm y tế.

*Giám sát đại biểu dân cử*

Trong những năm qua, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp tổ chức 180 buổi tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện tại 622 điểm, bình quân mỗi điểm có từ 80 đến 150 cử tri tham dự, với 1.020 ý kiến liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng được các đại biểu ghi nhận và kịp thời phản ánh với các cơ quan, đơn vị liên quan để trả lời cho nhân dân.

*Giám sát cán bộ, công chức, đảng viên*

Từ năm 2016 đến 2019 đã thực hiện 08 cuộc giám sát về thực hiện Quy định về trách nhiệm của đảng viên nơi cư trú; về công chức có dấu hiệu vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ công vụ. Qua giám sát đã kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý theo quy định. Có thể nói công tác giám sát cán bộ, đảng viên được nhân dân đồng tình ủng hộ.

*Bên cạnh, những kết quả đạt được, công tác giám sát của UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:*

Nội dung, hình thức giám sát còn lúng túng, chất lượng giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân. Nhiều vấn đề nhân dân bức xúc nhưng chưa có cơ chế cụ thể

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

để giám sát; thiếu những quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết, trả lời những phát hiện, kiến nghị của Mặt trận. Do đó, số lượng, chất lượng giám sát chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của nhân dân, có lúc, có nơi còn mang tính hình thức. Có nội dung giám sát lựa chọn ở một số đơn vị còn chưa sát tình hình thực tế ở ngành, địa phương; phương pháp giám sát còn chưa đa dạng, chủ yếu giám sát theo chương trình, kế hoạch định sẵn. Hoạt động giám sát của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên trong thực tế nhìn chung vẫn chưa thực sự bài bản, công tác phối hợp chưa đồng bộ, nhiều đề xuất, kiến nghị trong quá trình giám sát không ít nơi còn chưa được chính quyền quan tâm xem xét, giải quyết và phản hồi một cách thỏa đáng; sức lan tỏa, độ thấm, hiệu quả mang tính chiều sâu của giám sát chưa thực sự như mong đợi. Đội ngũ cán bộ tham mưu triển khai các nội dung công tác giám sát còn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu do hạn chế về năng lực, trình độ, kinh nghiệm và phải kiêm nhiệm, triển khai nhiều nhiệm vụ công tác trong cùng một thời điểm. Ngoài ra, việc giám sát còn có tâm lý ngại va chạm, không dám nêu chính kiến của mình.

### ***Một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tốt công tác giám sát của UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới.***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền Quyết định số 217-QĐ/TW, của Bộ Chính trị; Công văn số 3567-CV/TU ngày 07/01/2014 về triển khai Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Luật MTTQVN đến đông đảo các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên; chú trọng công tác tuyên truyền ở các xã vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng tỉnh Lâm Đồng phát triển toàn diện và bền vững.

Tổ chức phát động và triển khai sâu rộng các phong trào thi đua, các cuộc vận động, động viên

nhân dân thi đua lao động sáng tạo, tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Tăng cường phát huy dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Củng cố, kiện toàn tổ chức tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác Mặt trận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Giám sát là cách thức, công cụ để nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện các quyết sách chính trị, để hiện thực hóa nguyên tắc pháp lý, mọi công dân đều có thể tham gia vào công việc của nhà nước - trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức đại diện; đó cũng là con đường tạo lập sự đồng thuận giữa Đảng, chính quyền với quần chúng nhân dân. Qua thực tiễn hoạt động giám sát cùng với phản biện xã hội đã giúp cho Mặt trận Tổ quốc tự nâng cao vị trí vai trò của mình; là cầu nối giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Hoạt động giám sát của UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên cũng còn một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục trong thời gian đến để tương xứng với giao phó của Đảng và sự tín nhiệm của nhân dân./.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Luật MTTQVN(2015).
2. Quyết định 2017-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, ban hành Quy chế giám sát, phản biện xã hội của MTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội.
3. Báo cáo của UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng tổng kết 5 năm thực hiện quyết định số 2017-QĐ/TW của Bộ chính trị .

**\* Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật**



## **HỘI NÔNG DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA “CÙNG CẢ NƯỚC, LÂM ĐỒNG CHUNG TAY XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI” GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

*ThS Chu Thị Thu Trang\**

**Q**ua 10 năm triển khai, thực hiện, phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng nông thôn mới” tại tỉnh Lâm Đồng đã đạt nhiều kết quả. Phong trào đã làm đổi thay đời sống của người dân nông thôn ở địa phương và góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Lâm Đồng là tỉnh có nền sản xuất nông nghiệp tập trung, được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu, đất đai màu mỡ (có trên 200.000 ha đất bazan), là điều kiện thuận lợi để sản xuất đa dạng các loại cây trồng cả về chủng loại và thời vụ. Tổng diện tích tự nhiên gần một triệu hecta, dân số gần 1,3 triệu người, trong đó nông dân chiếm 60,81% dân số toàn tỉnh. Có 12 đơn vị hành chính, trong đó có 10 huyện, 02 thành phố, 147 xã, phường, thị trấn. Hiện nay, toàn tỉnh có trên 188.000 hộ nông nghiệp, với hơn 160.000 hội viên nông dân (chiếm tỷ lệ 85% so với hộ nông nghiệp), với 2.941 tổ hội, 1.422 chi hội sinh hoạt tại 145/147 cơ sở Hội.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và thực hiện Quyết định số 2242/QĐ-UBND, ngày 05/10/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành kế hoạch tổ chức, phát động phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng nông thôn mới”, trong những năm qua, cùng với các sở, ban, ngành, Hội Nông

dân các cấp trong toàn tỉnh đã triển khai sâu rộng phong trào “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”, đã làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức và tích cực tham gia của hội viên, nông dân, góp phần thay đổi cơ bản, toàn diện nông nghiệp, nông thôn và thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Việc triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khu vực nông thôn của tỉnh có những chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất với kết quả nổi bật là:

### ***Thứ nhất, về xây dựng nông thôn mới.***

Tính đến hết tháng 12/2019, kết quả đạt mục tiêu chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh có 100/116 xã (chiếm 86,20%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 10 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 06 xã đạt từ 13 - 14 tiêu chí, bình quân đạt 18,5 tiêu chí/xã. Dự kiến đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 105/111 xã (chiếm 94,50%) đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân toàn tỉnh đạt trên 18,8 tiêu chí/xã; trong đó, có ít nhất 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Ở cấp huyện, đến tháng 12/2019 toàn tỉnh có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Đơn Dương và Đức Trọng) và 02 thành phố (Đà Lạt, Bảo Lộc) đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Phân đầu đến hết năm 2020 có ít nhất 06 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Đồng thời, Đơn Dương là một trong bốn huyện trong cả nước được Trung ương chọn để thực hiện đề án thí điểm huyện nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh.

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

***Thứ hai, về phát triển, tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã có sự tăng trưởng ổn định, công nghiệp và dịch vụ nông thôn phát triển nhanh và đa dạng***

Sản xuất nông nghiệp có sự chuyển biến rõ rệt theo đúng chủ trương tái cơ cấu ngành. Việc triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất tiếp tục phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng, phong phú, trình độ canh tác có bước phát triển vượt bậc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp ngày càng được cải thiện theo hướng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển mạnh, mở rộng quy mô ra nhiều vùng và nhiều loại cây trồng trong toàn tỉnh. Cơ cấu cây trồng dịch chuyển theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng sinh thái, hình thành những vùng sản xuất chuyên canh tập trung đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn tiếp tục phát triển cả về giá trị sản xuất, lĩnh vực và hình thức hoạt động, đặc biệt là công nghiệp chế biến. Cơ cấu lao động nông thôn thay đổi theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội.

***Thứ ba, chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân tiếp tục được nâng cao, nhiều giá trị văn hóa được bảo tồn và phát triển.***

Đời sống vật chất và tinh thần của người dân các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh được cải thiện đáng kể. Nhiều phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các lễ hội truyền thống được phục hồi, duy trì và phát triển, cùng với việc thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn; an ninh trật tự được giữ vững; các hoạt động du lịch được phát triển, tạo nguồn thu nhập cho người dân và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

***Thứ bốn, môi trường nông thôn đã có chuyển biến, nhiều vùng nông thôn đã xây dựng và hình thành mô hình cảnh quan***

***xanh, sạch, đẹp.***

Các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh đã thực hiện thu gom rác thải, thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật ngay tại khu dân cư, khu sản xuất; thực hiện trồng rừng, trồng cây phân tán theo kế hoạch hàng năm... từ đó góp phần bảo vệ môi trường sinh thái ở nông thôn.

Với các kết quả trên, diện mạo nông thôn của tỉnh Lâm Đồng ngày càng khởi sắc rõ rệt, kết cấu hạ tầng phát triển, cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được giữ vững đã củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới vẫn còn một số hạn chế, đó là: Một số cán bộ Hội các cấp chưa phát huy hết khả năng và tính chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, triển khai và thực hiện Phong trào thi đua. Một bộ phận nông dân nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của Phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới chưa thật sự đầy đủ. Một bộ phận nông dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước, nhất là đối với nông dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉ lệ nghèo trong nông dân ở vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Hoạt động tuyên truyền của Hội Nông dân các cấp đa số vẫn còn là vận động “chạy”, tuyên truyền “suông”... do đó chưa thu hút nông dân tích cực tham gia vào Phong trào thi đua.

- Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi và điện phục vụ sản xuất; một số mô hình khi trình diễn có hiệu quả nhưng khó nhân rộng do chi phí đầu tư cao, người nông dân khó đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định; giá cả vật tư đầu vào tăng cao, giá tiêu thụ nông sản không ổn định.

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

- Vai trò của tổ chức Hội trong việc xây dựng các mô hình kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi theo chuỗi giá trị còn hạn chế, các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hiệu quả chưa cao. Đặc biệt là vai trò giám sát, phản biện của Hội Nông dân các cấp và những kiến nghị, đề xuất với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn có lúc chưa kịp thời.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn vẫn gia tăng ở một số nơi...

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do các nguyên nhân, gồm có: Sự tác động, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, giá cả thị trường và dịch bệnh. Do công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới chưa có chiều sâu; tuyên truyền, vận động còn mang tính chất chung chung; việc xây dựng và nhân rộng mô hình có hiệu quả còn chậm; sự phối hợp trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chưa thật đồng bộ, hiệu quả. Một số cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới đã ban hành nhưng chưa thực sự phù hợp và chưa được điều chỉnh kịp thời. Một số địa phương thiếu sự tập trung, thiếu quyết liệt trong việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, tiêu chí của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Một số Hội Nông dân cơ sở và một bộ phận cán bộ, hội viên, nông dân nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, trách nhiệm trong tham gia Phong trào thi đua. Nguồn vốn ngân sách đầu tư còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn chậm...

Chương trình xây dựng nông thôn mới là cuộc vận động lớn, có ý nghĩa quan trọng, lâu dài. Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cần tập trung thực hiện đồng bộ một số phải pháp chủ yếu như sau:

**Một là**, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân tích cực tham gia, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Các cấp Hội Nông dân cần nâng cao chất lượng, mở rộng công tác tuyên truyền chú trọng đến từng địa bàn dân cư, từng hộ gia đình nông dân; thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới thông qua phương tiện truyền thông như loa, đài phát thanh truyền hình địa phương, trang Website của Hội, bản tin “Nông dân Lâm Đồng”... tuyên truyền qua các buổi sinh hoạt chi, tổ Hội, lồng ghép vào các buổi sinh hoạt thôn, khu phố...

Tăng cường sự phối hợp với các sở, ngành, các cấp chính quyền địa phương để tổ chức thực hiện có hiệu quả Kết luận 61-KL/TW của Ban Chấp hành TW về Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân để Hội xứng đáng là trung tâm, nòng cốt trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**Hai là**, tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình xây dựng nông thôn mới do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn, chỉ đạo, đồng thời đẩy mạnh thực hiện Phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Tiếp tục phát động, vận động hội viên, nông dân tham gia thành lập các chi hội nghề nghiệp, tổ hội nghề nghiệp làm tiền đề hình thành các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã và nâng cao chất lượng phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi. Vận động nông dân đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tạo nguồn lực từ nội bộ nông dân để làm giàu và giảm nghèo bền vững. Phấn đấu để phong trào có bước phát triển mới về chất, có nhiều hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi với qui mô lớn, ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, nhất là ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

trên đơn vị diện tích; đẩy mạnh các hình thức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, tham gia chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và phát triển, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường rau, hoa và nông sản thế mạnh trên địa bàn tỉnh, đồng thời tích cực tham gia bảo vệ thương hiệu nông sản.

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 961/QĐ-UBND, ngày 04/05/2017 của UBND tỉnh về Đề án phát triển kinh tế hợp tác tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; xây dựng đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm; có kế hoạch đào tạo nghề hợp lý cho lao động nông thôn nhằm giải quyết việc làm cho nông dân; đồng thời thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân để tạo nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

**Ba là**, tiếp tục làm tốt công tác biểu dương, tôn vinh, khen thưởng và nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình trong xây dựng nông thôn mới.

Cùng với việc đẩy mạnh Chương trình, các cấp Hội phải thường xuyên quan tâm phát hiện nhân tố mới, bồi dưỡng, phổ biến và nhân rộng điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo khí thế thi đua sôi nổi, cổ vũ, động viên hội viên, nông dân phát huy khả năng, phẩm chất tốt đẹp, xây dựng người nông dân mới, xây dựng nếp sống mới, xã hội văn minh.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, hội viên, nông dân, hộ gia đình nông dân tích cực ủng hộ, đóng góp trong xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giám sát việc huy động sức dân với chủ trương chung của tỉnh trong xây dựng nông thôn mới.

**Bốn là**, tập trung rà soát, xây dựng, củng cố tổ chức Hội vững mạnh; nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội

các cấp gắn với phát triển và nâng cao chất lượng hội viên. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Hội, quan tâm đội ngũ cán bộ ở cơ sở, cán bộ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu quản lý, hoạt động của công tác Hội và phong trào nông dân trong tình hình mới.

**Năm là**, mở rộng các mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh, thu hút các nguồn lực để các cấp Hội có điều kiện phát triển; phối hợp, triển khai tốt các nghị quyết liên tịch đã ban hành.

**Sáu là**, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát đối với việc xây dựng nông thôn mới; kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nông dân; tích cực tham gia công tác hòa giải và giải quyết khiếu nại tố cáo ngay tại cơ sở.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện nghiêm việc xem xét, công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo thực chất, khách quan, đúng quy định, không chạy theo thành tích; tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đặc biệt về việc thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách, việc sử dụng và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình và sự hài lòng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện thống nhất trong hệ thống Hội các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Hội. Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác tham mưu. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm trong công tác Hội làm công tác kiểm tra.

Kịp thời phát hiện, tố giác, kiến nghị xử lý những vi phạm trong tổ chức và triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Như vậy, Hội Nông dân và giai cấp nông dân có vai trò quan trọng đối với quá trình



## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

xây dựng nông thôn mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức Hội trong xây dựng phong trào trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến nay đạt được nhiều thành tích quan trọng. Có thể khẳng định, phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng nông thôn mới” đã góp phần tích cực đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, góp phần xây dựng quê hương Lâm Đồng ngày càng văn minh và giàu đẹp./.

### Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương (2008), Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCHTWV Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008, Hà Nội;
2. Ban Chấp hành Trung ương (2009), Kết luận số 61-KL/TW, ngày 03/12/2009, Hà Nội và Ban Thường vụ Tỉnh ủy (2011), Kết luận số 76-KL/TU, ngày 12/9/2011, Lâm Đồng về Đề án: “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”;

3. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng (2019), *Báo cáo tổng kết phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2011 - 2020*, số 90/BC-HNDT, ngày 24/6/2019, Lâm Đồng;

4. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 673/QĐ-TTg, ngày 10/5/2011, Hà Nội và UBND tỉnh (2012), Quyết định số 323/QĐ-UBND, ngày 10/02/2012, Lâm Đồng, “Về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở nông thôn giai đoạn 2011-2020”;

5. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2016), *Nghị quyết về “Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại”*; số 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016, Lâm Đồng;

6. UBND tỉnh Lâm Đồng (2020), *Báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021 – 2025*, số 51/BC-UBND, ngày 24/03/2020, Lâm Đồng.

**\* Giảng viên khoa Xây dựng Đảng**

## ☞ Tiếp theo trang 44 **TÀI NĂNG VÀ SÁNG TẠO...**

Tài năng và sức sáng tạo của thế hệ trẻ có được phát huy đầy đủ hay không, ngoài yếu tố chủ quan còn tùy thuộc vào sự quan tâm, giúp đỡ của các ban ngành của Đảng, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể xã hội. Cần tiến hành những chính sách, kế hoạch cụ thể, thích hợp, thiết thực để phát triển năng khiếu, bồi dưỡng tài năng, đào tạo nhân tài; cổ vũ, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ phát huy tài năng và năng lực sáng tạo.

Mấy chục năm vừa qua, bằng sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước, thế

hệ trẻ Việt Nam đã phát huy được tài năng và sức sáng tạo của mình và đã có rất nhiều cống hiến xứng đáng trên nhiều lĩnh vực trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, thế hệ trẻ với tinh thần làm chủ tập thể ngày một nâng cao nhất định sẽ phát huy hơn nữa tài năng và nghị lực sáng tạo tiếp tục có được nhiều hơn nữa những cống hiến vẻ vang và to lớn cho đất nước ./.

**\* Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật**

## PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

ThS Ngô Thị Hồng Loan\*

**N**ông dân là chủ thể quan trọng quyết định đến kết quả xây dựng nông thôn mới và sự phát triển của tỉnh Lâm Đồng. Việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Lâm Đồng đến nay đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song trong quá trình này đang đặt ra những vấn đề và yêu cầu mới đòi hỏi nông dân phải tự điều chỉnh và nỗ lực vượt qua. Để phát huy tốt hơn nữa vai trò to lớn của từng chủ thể nông dân, cần có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc nêu cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ, hướng về địa bàn nông thôn, lấy nông dân làm đối tượng cần được quan tâm, chia sẻ bằng những chương trình hành động, việc làm cụ thể và thiết thực.

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương của Đảng ta, có ý nghĩa to lớn và tác động toàn diện đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực với sự tham gia của nhiều lực lượng khác nhau. Trong đó, nông dân được xác định vừa là chủ thể trực tiếp tham gia, vừa là chủ thể thụ hưởng những thành quả từ phong trào này. Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới là vô cùng to lớn. Hiệu quả đạt được từ việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới đem lại lợi ích trên nhiều phương diện khác nhau. Đảng ta đã chỉ rõ: “Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới”<sup>1</sup>. Vai trò chủ thể của nông dân được thể hiện rõ nét ở việc tham gia quy hoạch và

thực hiện quy hoạch nông thôn mới, tổ chức sản xuất và đổi mới các hình thức sản xuất, phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường...

Ở Lâm Đồng, với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, khu vực nông thôn của tỉnh đã có những đổi thay căn bản và toàn diện. Diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, chất lượng đời sống vật chất của người dân được nâng cao, nhận thức về nông thôn mới được tăng cường. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày một nâng lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được giữ vững. Tính từ năm 2009 đến giữa năm 2019, toàn tỉnh Lâm Đồng có 90/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại có 11 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, có 2 huyện là Đơn Dương và Đức Trọng đã đạt chuẩn nông thôn mới và 2 thành phố là Đà Lạt, Bảo Lộc đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đầu tư được khoảng 1.900 km đường, trong đó xây dựng mới trên 700 km; nâng cấp, sửa chữa 1.200 km; đầu tư làm mới và sửa chữa hơn 85 cầu lớn nhỏ. Trong 10 năm qua, tỉnh đã huy động các nguồn lực tham gia xây dựng nông thôn mới với số tiền là gần 53 ngàn tỷ đồng, trong đó, vốn từ ngân sách nhà nước chiếm gần 14%; vốn dư nợ tín dụng 81%; cộng đồng dân cư đóng góp gần 5% và 1,33% của các tổ chức, doanh nghiệp. Điều này cho thấy, sự đồng thuận trong nhân dân sẽ đem lại nguồn lực to lớn cho sự phát triển của tỉnh. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Lâm Đồng hiện tại vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập từ nhiều góc độ. Trong đó, bản thân người nông dân ở Lâm Đồng vẫn còn những hạn chế như trình độ học vấn, chuyên môn, tay nghề thấp chưa được khắc phục; những nhược điểm trong tâm lý, tính cách chưa được điều chỉnh,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 124.

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

xóa bỏ. Những hạn chế này thực sự là rào cản mà các chủ thể nông dân đang tự trói buộc bản thân mình, làm cho vai trò chủ thể của nông dân chưa được phát huy tối đa, có hiệu quả.

Trong điều kiện hiện nay, để quá trình xây dựng nông thôn mới ở Lâm Đồng đi vào chiều sâu, tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa, đòi hỏi phải phát huy vai trò chủ thể của nông dân thông qua việc thực hiện tốt các giải pháp cơ bản sau:

*Một là, nâng cao trình độ dân trí cho nông dân.*

Trình độ dân trí là yếu tố quan trọng, trực tiếp quyết định đến chất lượng, hiệu quả trong việc xây dựng nông thôn mới. Theo đó, cần coi trọng việc giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí. Bản thân nông dân phải nỗ lực, kiên trì tự làm công tác tư tưởng, từng bước tiếp cận khoa học - công nghệ tiên tiến, học tập kinh nghiệm của các địa phương, tiếp thu các phương pháp sản xuất mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục để xóa bỏ các thói quen, tập quán, tâm lý, tính cách không còn phù hợp. Phát huy những nhân tố tích cực ngay trong lực lượng nông dân để tập hợp, vận động, cảm hóa bộ phận nông dân chưa tiến bộ xóa bỏ những nhận thức và hành vi không phù hợp. Nâng cao trình độ để người nông dân có đủ khả năng thích ứng với nền sản xuất nông nghiệp có hàm lượng tri thức cao, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) đang phát triển mạnh mẽ, trực tiếp tác động đến các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nâng cao trình độ dân trí là trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi người dân. Do đó, từng chủ thể nông dân cần ra sức học tập, nâng cao ý thức pháp luật, tinh thần thượng tôn pháp luật bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú... nhằm tạo dựng cho mình một nền tảng căn bản vững chắc để có khả năng tiếp cận và ứng dụng được các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất; có kiến thức về quản lý, nắm bắt thông tin thị trường; có khả năng sử dụng được tin học ứng dụng; nâng cao ý thức pháp luật để tự xác định điều gì là đúng, điều gì

là sai, từ đó điều chỉnh thái độ và hành vi cho phù hợp. Phát huy vai trò của các chủ thể nông dân tiến bộ, những người có uy tín trong cộng đồng để kiên quyết, kiên trì đấu tranh, phê phán những người có thái độ, hành vi, việc làm không phù hợp, vi phạm pháp luật. Người nông dân nên tích cực tham gia các tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã để học tập kinh nghiệm, chia sẻ ý tưởng, trao đổi kiến thức lẫn nhau. Ngoài ra, các cấp Hội Nông dân tăng cường phối hợp với các ban, ngành cùng cấp đẩy mạnh tổ chức chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng các dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất kinh doanh và xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp bền vững. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng đối với đội ngũ lao động nông nghiệp hiện hành để đáp ứng được yêu cầu áp dụng các thành quả của nông nghiệp 4.0 (Thành phần nông nghiệp 4.0 gồm 7 yếu tố: Công nghệ quản trị, kinh doanh tài chính; robot nông nghiệp; thiết bị bay không người lái; tế bào quang điện; công nghệ nhà kính, thủy canh, khí canh; công nghệ đèn led và thiết bị cảm biến IoT), từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, phát huy lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp để Lâm Đồng tiếp tục là tỉnh đi đầu của cả nước về nông nghiệp công nghệ cao.

*Hai là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Lâm Đồng.*

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, chương trình hành động cụ thể nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng việc thường xuyên tiến hành tổng kết thực tiễn, điều chỉnh các bộ tiêu chí quốc gia để đảm bảo tính phù hợp, khả thi khi áp dụng trên thực tế sát với tình hình.

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ vốn, giao đất, giao rừng cho nông dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó, chú trọng “thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; tập trung ưu tiên nguồn lực cho các xã, thôn nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, phát triển

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm công tác giảm nghèo bền vững, nhất là giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động; đảm bảo an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công; giải quyết tốt vấn đề di dân tự do”<sup>2</sup>. Tiếp tục quan tâm giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa đặc sắc của nông dân tỉnh Lâm Đồng.

Thực hiện tốt mối liên kết “Bốn nhà” (nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Việc liên kết được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi. Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn tạo động lực cho việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, “tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đảm bảo sự phát triển bền vững; trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học gắn với công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, liên kết; ưu tiên phát triển các loại cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành”<sup>3</sup>. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung quy định mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

*Ba là, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở tỉnh Lâm Đồng trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân để xây dựng nông thôn mới.*

2. Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2015), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020)*, Lâm Đồng.

3. Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2015), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020)*, Lâm Đồng.

Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tập trung xác định rõ nội dung trọng tâm, trọng điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn. Đối với các cấp ủy, các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang từ tỉnh đến cơ sở phải xác định rõ về trách nhiệm của từng tổ chức, từng nội dung nhiệm vụ phải thực hiện, từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy phong trào xây dựng nông thôn mới. Đối với chính quyền cơ sở phải nắm chắc tình hình sản xuất và đời sống người dân để thực hiện tốt công tác định hướng, hướng dẫn phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu, nhận thức đúng và đầy đủ về trách nhiệm vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho nông dân được học tập, lao động, nâng cao trình độ về mọi mặt.

Chú trọng việc củng cố và kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở thông qua việc thường xuyên thực hiện tốt công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò trách nhiệm, sự nêu gương của người đứng đầu. Từng cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống một cách toàn diện. Đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng trong xây dựng nông thôn mới là điều kiện quan trọng, là biện pháp an dân, tạo dựng lòng tin trong nông dân đối với hệ thống chính trị. Cán bộ, đảng viên cần phải có tác phong quần chúng gần gũi, sâu sát với nhân dân, phải “phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”; phải có thái độ và hành xử phù hợp, mềm dẻo trong mối quan hệ với nông dân, thực hiện tốt vấn đề dân chủ. Với người lãnh đạo, cần tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nông dân để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ tâm tư, nguyện vọng của nông dân. Cần có những chính sách động viên, khen thưởng, tôn vinh kịp thời. Nhân rộng gương nông dân điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới./.

**\* Phó Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật**



## LÂM ĐỒNG THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA "CÙNG CẢ NƯỚC CHUNG TAY XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI"

*Liều Văn Bảo\**

**T**hực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Lâm Đồng đã phát động phong trào thi đua cùng “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị tham gia chung tay, góp sức xây dựng nông thôn mới, làm đổi thay toàn diện đời sống người dân nông thôn ở địa phương ấm no, văn minh, hiện đại, giữ vững bản sắc và an ninh trật tự.

Lâm Đồng là tỉnh có nền sản xuất nông nghiệp tập trung, được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu, đất đai màu mỡ (có trên 200.000 ha đất bazan), là điều kiện thuận lợi để sản xuất đa dạng các loại cây trồng cả về chủng loại và thời vụ. Tổng diện tích tự nhiên gần một triệu hecta, dân số gần 1,3 triệu người, trong đó nông dân chiếm 60,81% dân số toàn tỉnh. Có

12 đơn vị hành chính, trong đó có 10 huyện, 02 thành phố, 142 xã, phường, thị trấn. Để đạt mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2016 về xây dựng kết cấu tầng đồng bộ giai đoạn 2016- 2020; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 về đào tạo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025. Ban chỉ đạo các cấp tiếp tục được kiện toàn do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân (UBND) cùng cấp làm Trưởng ban, thành viên Ban chỉ đạo là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn và tổ chức đoàn thể, đồng thời huy động toàn bộ hệ thống chính trị tham gia xây dựng nông thôn mới NTM. UBND tỉnh đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy nêu trên, lập các hồ sơ, thủ tục thực hiện dự án phát triển nông

nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và ban hành 17 Văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM như: Kế hoạch số 16-KH/BCĐNTM ngày 16/11/2016 thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020; đồng thời ban hành các Quyết định: số 915/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 và số 986/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 quy định chi tiết một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện NTM giai đoạn 2017-2020; số 2103/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 và số 2584/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 ban hành tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao, tiêu chí xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020. Tính đến hết tháng 12/2019, kết quả đạt mục tiêu chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh có 100/116 xã (chiếm 86,20%) đạt chuẩn NTM; có 10 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 06 xã đạt từ 13 - 14 tiêu chí, bình quân đạt 18,5 tiêu chí/xã. Dự kiến đến hết năm 2020 có 105/111 xã (chiếm 94,50%) đạt chuẩn NTM, bình quân toàn tỉnh đạt trên 18,8 tiêu

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

chí/xã; trong đó, có ít nhất 20% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Cấp huyện đến tháng 12/2019 toàn tỉnh có 02 huyện đạt chuẩn NTM (Đơn Dương và Đức Trọng) và 02 thành phố (Đà Lạt, Bảo Lộc) đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Phân đầu đến hết năm 2020 có ít nhất 06 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn có những hạn chế nhất định như: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình tại một số địa phương ở Lâm Đồng còn chậm, việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM còn lúng túng, chưa có các giải pháp thiết thực tạo sự đột phá trong sản xuất nông nghiệp; hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn ở một số xã xuống cấp chưa được đầu tư, sửa chữa; công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, nước sạch, các thiết chế văn hóa, thể thao tại một số nơi còn chưa kịp thời, chưa phát huy hết giá trị công trình; công tác bảo vệ, cải thiện cảnh quan môi trường nông thôn tuy được quan tâm, nhưng chưa có các giải pháp thực sự đồng bộ và hiệu quả; nhiều xã đã đạt tiêu chí môi trường nhưng chưa thực sự bền

vững. Công tác thu gom, xử lý rác thải, nước thải trong sinh hoạt và bao gói thuốc bảo vệ thực vật, vật tư trong sản xuất còn nhiều bất cập, đặc biệt là các vùng canh tác rau, hoa công nghệ cao, các khu vực chăn nuôi tập trung. Chưa có nhiều mô hình mẫu về cảnh quan môi trường để phát triển, nhân rộng; kết quả thực hiện hiện Chương trình chưa đồng đều giữa các vùng, địa bàn trong tỉnh. Đời sống, thu nhập một bộ phận người dân nông thôn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả xây dựng NTM tại một số địa phương chưa thực sự bền vững: Chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả sau đạt chuẩn còn nhiều hạn chế. Một số địa phương ưu tiên chú trọng đầu tư hạ tầng, chưa quan tâm đúng mức tới phát triển sản xuất kinh doanh để nâng cao thu nhập bền vững cho người dân; năng lực, trình độ, nhận thức của người nông dân nông thôn còn hạn chế, chưa đồng đều. Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm, kinh tế tập thể đã tăng nhanh về số lượng nhưng nhiều hợp tác xã có quy mô nhỏ, hiệu quả hoạt động chưa cao; thu hút đầu tư vào nông nghiệp,

nông thôn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Kinh tế hộ nhỏ lẻ chiếm tỷ lệ cao, cản trở đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. Số lượng chuỗi liên kết hoàn chỉnh trong sản xuất, tiêu thụ nông sản chưa nhiều.

Ngoài những nguyên nhân khách quan tác động ảnh hưởng trực tiếp, như: ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, giá cả thị trường, dịch bệnh; còn những nguyên nhân chủ quan: Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã được quán triệt trong hệ thống chính trị các cấp từ tỉnh đến huyện, xã, nhưng sự phối hợp trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chưa thật đồng bộ, hiệu quả còn hạn chế, một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của mình trong xây dựng nông thôn, còn trông chờ vào hỗ trợ của Nhà nước; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền về Chương trình ở một số địa phương, đặc biệt là trong giai đoạn đầu chưa sát, chưa thật sự được quan tâm đúng mức, chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; nhiều chủ trương, chính sách thực hiện Chương trình hướng dẫn chậm, nguồn lực

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

đầu tư (cơ sở hạ tầng, các yếu tố văn hóa xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân) còn hạn chế. Mặc dù đã thực hiện tốt chính sách xã hội hóa, song nhiều hạng mục đầu tư cần có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước,...nên mức độ hoàn thành, đáp ứng các tiêu chí bị ảnh hưởng nhất định; một số sở, ban, ngành chưa thực sự quan tâm đến lĩnh vực xây dựng NTM; chưa kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình thực hiện. ..

Để nâng cao kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số phải pháp chủ yếu sau:

**Thứ nhất**, tăng cường tuyên truyền, vận động, và nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ hơn về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong đó, cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới. Cần đổi mới cách thức tuyên truyền, vận động để đội ngũ cán bộ và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn hiểu rõ hơn về mục đích, nội dung và ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Từ đó huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân tham gia giữ gìn, duy trì và phát huy, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã đạt được, hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo, giai đoạn 2021- 2025.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lâm Đồng cần tăng cường thời lượng tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; chú trọng giới thiệu, biểu dương các gương điển hình tiên tiến, những sáng kiến, bài học kinh nghiệm trong thực tiễn, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân tích cực tự giác tham gia cùng chính quyền địa phương trong việc xây dựng nông thôn mới.

**Thứ hai**, tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp. Cùng cố, kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo hướng chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả; trong đó duy trì hệ thống Văn phòng

NTM cấp tỉnh và cấp huyện, bố trí một cán bộ chuyên trách NTM cấp xã; cán bộ, công chức chuyên trách về xây dựng NTM phải giỏi về chuyên môn, có tâm huyết để đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Đồng thời xây dựng Chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện cho giai đoạn 2021 - 2025 với quan điểm xây dựng NTM là quá trình triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. Trong quá trình xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình theo phương pháp tiếp cận mới, linh hoạt và phù hợp, đi vào chiều sâu và đảm bảo tính bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Chú trọng việc thay đổi tư duy, nếp sống, năng lực của người dân làm mục tiêu; cư dân nông thôn là chủ thể, cộng đồng thôn bản là đơn vị đánh giá. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho các địa phương và cộng đồng thôn bản.

**Thứ ba**, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở: Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cần tập trung, bám sát cơ sở để chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng thời tập trung củng cố, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII); nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; mỗi cán bộ, đảng viên phải thể hiện tốt vai trò, trách nhiệm trước nhân dân, làm nòng cốt trong thực hiện các phong trào. Xây dựng chính quyền cơ sở gần dân, gần bó với nhân dân; thực sự liêm khiết, năng động, sáng tạo, tận tụy phục vụ nhân dân; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cơ sở cần đổi mới phương thức hoạt động, gần gũi, gần bó với đoàn viên, hội viên và nhân dân; tăng cường vai trò trách nhiệm đối với nhân dân.

**Thứ tư**, về cơ chế, chính sách: Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng mới các cơ chế, chính sách đảm bảo phù hợp với các chủ trương, chính sách của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh; từng ngành, từng lĩnh vực phải xây dựng các Chương trình, đề án cụ thể thực hiện các tiêu chí NTM; nghiên cứu ban hành chính sách, cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình xây dựng NTM; đề xuất phương án cân đối ngân sách hợp lý của địa phương, Trung ương và huy động tối đa các nguồn lực khác để thực hiện

Chương trình; Xây dựng và cụ thể hóa các quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm việc thực hiện đầu tư từ các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình; Rà soát quy hoạch, chỉnh trang, tạo diện mạo NTM đảm bảo hợp lý, hài hòa, hiệu quả, nhất là quy hoạch khu dân cư kiểu mẫu; xây dựng quy hoạch vùng huyện đảm bảo tính kết nối giữa nông thôn và thành thị, gắn với xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung ban hành các thiết kế mẫu nhà văn hóa thôn, nhà ở dân cư, cổng hàng rào nhà ở dân cư,...

**Thứ năm**, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập gắn với phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn

- *Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập*: Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh gắn với xây dựng NTM; *đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ theo hướng đồng bộ, hiện đại gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa lớn, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao*, trọng tâm là phát

triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ hình thành, mở rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó tập trung vào các nhóm sản phẩm chủ lực. Khuyến khích hình thành và phát triển mô hình kinh tế trang trại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã.

- *Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa*: Chủ động lồng ghép các nguồn lực, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện tiêu chí do sở, ngành phụ trách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục xây dựng nếp sống văn hóa nông thôn, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng vùng, từng dân tộc, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở để đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn. Đưa văn hóa trở thành động lực mới để xây dựng NTM,



## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

thực hiện chủ trương “*Kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế*”. Phát triển du lịch nông thôn gắn với khai thác các giá trị của nông nghiệp truyền thống.

- *Về bảo vệ môi trường nông thôn*: Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Xây dựng NTM cần gắn chặt với việc tăng cường phát triển bền vững và bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn. Việc phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa phải đảm bảo không được làm ảnh hưởng xấu đến môi trường nông thôn. Phát triển kinh tế nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, có khả năng tái tạo và phục hồi tài nguyên, có khả năng chủ động ứng phó và thích nghi hợp lý với biến đổi khí hậu, rủi ro do thiên tai, dịch bệnh. Tập trung thực hiện cải thiện cảnh quan, môi trường nông thôn, tạo môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp; nghiên cứu xây dựng và triển khai một số mô hình xử lý môi trường, đặc biệt là xử lý rác thải, nước thải, chất thải rắn phù hợp với đặc thù của tỉnh để nhân rộng, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác đầu tư các cơ sở xử lý theo hướng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật theo hướng bền vững; tiến hành

khảo sát năng lực các nhà máy nước tại địa phương để có giải pháp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch cho người dân nông thôn, đảm bảo cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn nhằm nâng cao tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế

**Thứ sáu**, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

Hoàn thiện, nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng nông thôn; trong đó ưu tiên hoàn thiện hệ đường giao thông nông thôn, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất, các công trình cấp nước sinh hoạt, hệ thống các công trình đảm bảo chuẩn hóa về giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo trì nâng cao hiệu quả của hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã. Rà soát, bổ sung quy hoạch các khu dân cư; đầu tư hoàn thành các dự án bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép tại huyện Đam Rông và một số địa phương trong tỉnh để đồng bào dân tộc ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất tại nơi ổn canh, ổn cư, thụ hưởng đầy đủ các cơ chế, chính sách của Nhà nước.

**Thứ bảy**, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện nghiêm

việc xem xét, công nhận xã, huyện đạt chuẩn NTM, đảm bảo thực chất khách quan, đúng quy định, thực chất, không chạy theo thành tích; tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đặc biệt về việc thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách, việc sử dụng và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình và sự hài

lòng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn./.

### Tài liệu tham khảo:

1. UBND tỉnh Lâm Đồng: *Số 51/BC-UBND ngày 24/3/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 -2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021 -2025*, Lâm Đồng.

2. HĐND tỉnh Lâm Đồng: *Số 172/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 của Hội Đồng Nhân dân tỉnh về phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020*, Lâm Đồng.

3. <http://www.lamdong.gov.vn>, truy cập ngày 29 tháng 7 năm 2020.

4. <http://baolamdong.vn>, truy cập ngày 29 tháng 7 năm 2020.

\* **Giảng viên khoa Xây dựng Đảng**

## **MỘT VÀI NÉT VỀ KINH TẾ TẬP THỂ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG NĂM 2020**

*Bành Ngọc Hải Quyên\**

**K**inh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn qui mô, lĩnh vực, địa bàn. Kinh tế tập thể phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ, hoạt động theo nguyên tắc: hợp tác tự nguyện, dân chủ, bình đẳng và công khai, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi, hợp tác và phát triển cộng đồng.

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách được quan tâm xây dựng, hoàn thiện; từ đó nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được nâng lên. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 388 HTX trong đó có 294 HTX nông nghiệp, 34 HTX công thương, 29 HTX vận

tải, 25 Quỹ tín dụng nhân dân, 01 HTX xây dựng và 04 HTX dịch vụ du lịch với tổng vốn điều lệ hơn 631 tỷ đồng; tổng lao động ước đạt 10.907 lao động chủ yếu trong các HTX nông nghiệp, công thương và giao thông vận tải. Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong những năm gần đây đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

*Thứ nhất*, xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi giá trị.

Việc liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tuy còn nhiều khó khăn nhưng cũng đã có nhiều bước phát triển, với nhiều hình thức liên kết phong phú và đa dạng như: HTX đứng ra hợp đồng với thành viên của mình, đảm bảo cung ứng đầy đủ về số lượng cũng như chất lượng các loại sản phẩm, các loại dịch vụ, phục vụ nhu cầu thành viên; những HTX có quy mô lớn về tiêu thụ sản phẩm đầu ra đều tổ chức liên kết với các tổ hợp tác trên địa bàn, HTX cung cấp vật tư, cây giống, kỹ thuật cho các tổ hợp tác, ngược lại tổ hợp tác cung cấp sản phẩm cho

HTX, như HTX nông nghiệp Anh Đào (Đà Lạt) liên kết với các tổ hợp tác ở huyện Lạc Dương, HTX Tiến Huy (Đức Trọng) liên kết với các THT nông dân. Các HTX tổ chức tốt trong việc liên kết để trao đổi hàng hóa, tiêu chuẩn tối thiểu hàng hóa phải có giấy chứng nhận VietGAP. Đối với liên kết giữa doanh nghiệp với HTX thì doanh nghiệp chủ động liên kết với các HTX đã ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ đầu tư, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thực hiện đúng cam kết theo thỏa thuận đã ký, điển hình như HTX BANANA Đa K'Nang xuất khẩu chuối La ba ổn định sang thị trường Nhật, Hàn Quốc.

Xây dựng và nhân rộng mô hình HTX đã thúc đẩy thành lập nhiều hợp tác xã mới, tuyên truyền, vận động thành lập Hợp tác xã rộng khắp trên địa bàn tỉnh, tập hợp đông đảo hộ nông dân, người lao động tham gia HTX, hỗ trợ các HTX có thêm nguồn lực, triển khai các hoạt động dịch vụ hỗ trợ thành viên nâng cao hiệu quả hoạt động. Các HTX được hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, xác định phương

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

hướng hoạt động phù hợp, phát huy thế mạnh của mỗi đơn vị, từ đó tăng cường tính tự chủ, chủ động, tăng cường khả năng thực hiện dịch vụ hỗ trợ thành viên, cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của thành viên.

*Thứ hai, Hợp tác xã góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng nông thôn mới và an sinh xã hội.*

Đến tháng 6/2020 ở tỉnh Lâm Đồng có 138/147 xã, phường, thị trấn có HTX. Các HTX đóng góp vai trò quan trọng trong thành tích xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Về giảm nghèo bền vững và tạo việc làm cho người lao động, các HTX góp phần vào công tác an sinh xã hội tại địa phương như: nâng cao mức thu nhập và nộp ngân sách ngày càng nhiều hơn góp phần xóa đói giảm nghèo. Nhiều HTX ở địa phương nghèo đã vươn lên làm giàu, hỗ trợ bà con thành viên nâng cao thu nhập thông qua việc chuyển đổi giống cây trồng, tổ chức sản xuất theo chuỗi khép kín và xuất khẩu hàng hóa. Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp giải quyết công ăn việc làm cho các chị em phụ nữ tại địa phương không phải đi lao động tại các thành phố lớn mà có thời gian chăm sóc gia đình với mức lương ổn định như HTX An Bình ở huyện Cát Tiên, HTX đan len Quý Anh ở Tp Bảo Lộc...

Một số HTX tổ chức cung cấp giống cho thành viên trồng xen canh tăng giá trị trên một diện tích cây trồng ở các vùng cây công nghiệp giúp bà con nâng cao thu nhập như HTX hữu cơ Hùng Thắng ở Lâm Hà.

Phát huy vai trò của HTX trong xây dựng nông thôn mới, là đầu mối kết nối giữa nhân dân với chính quyền, tạo công ăn việc làm cho nhiều thành viên và người lao động tại địa phương, góp phần ổn định kinh tế của hộ gia đình, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội. Đặc biệt, nhờ chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã được chú trọng và quan tâm, do đó hiện nay có nhiều mô hình HTX có quy mô liên kết lớn liên huyện, sản phẩm ngày càng chất lượng hơn đáp ứng được nhu cầu thị trường hiện nay.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong 09 tháng đầu năm 2020, trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến nhiều mặt của đời sống, kinh tế - xã hội của nước ta, nhất là hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng vẫn còn gặp nhiều khó khăn như:

*Trong lĩnh vực nông nghiệp:* thiếu vốn đầu tư sản xuất, huy động thành viên khó, khó tiếp cận các tổ chức tín dụng do không có tài sản

thế chấp. Giá cả nông sản xuống thấp, chưa xây được nhiều chuỗi cung ứng trong liên kết sản xuất nên đầu ra cho sản phẩm còn ít, giá thành vẫn còn phụ thuộc vào thương lái.

*Trong tài chính, tín dụng:* các quỹ tín dụng nhân dân đều giảm doanh số cho vay vì sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều tạm dừng hoặc giảm nhiều nên nhu cầu vay vốn cũng giảm theo.

*Trong lĩnh vực vận tải:* tình hình dịch ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành vận tải, trong 6 tháng đầu năm có nhiều tháng hoạt động cầm chừng, riêng tháng 4 không hoạt động như cơ quan thuế vẫn thu thuế ảnh hưởng đến HTX.

Khó khăn của các HTX khối Công thương hiện nay là thiếu vốn, thiếu khoa học kỹ thuật, hoạt động nhỏ lẻ, sản phẩm làm ra chưa đồng đều về số lượng cũng như chất lượng, cán bộ còn thiếu năng động, nhạy bén với thị trường.

Để kinh tế tập thể có thể phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ (nhất là sau đại dịch Covid-19 kết thúc), đề xuất một số giải pháp sau:

*Về lĩnh vực nông nghiệp:* trong thị trường tiêu thụ cần trao đổi với các đối tác về số lượng, chủng loại, chất lượng, giá cả và thời điểm, phương thức giao nhận...

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

phù hợp với tình hình mới; đánh giá lại tình hình nhân sự có khó khăn gì để kịp thời hỗ trợ giúp họ yên tâm làm việc; xây dựng lại kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nhu cầu xã hội trong tình hình mới; nghiên cứu xây dựng dự án đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản xuất an toàn, sản xuất sản phẩm hữu cơ, nông, lâm nghiệp tốt; trao đổi, làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian các khoản vay, lãi suất, các khoản vay mới để tiếp tục đầu tư, phát triển sản xuất.

*Về lĩnh vực giao thông vận tải:* phải tuyên truyền đến lực lượng lái xe, phụ xe và những người có liên quan tiếp tục thực hiện tốt các phương pháp phòng, chống Covid-19 như: vệ sinh, khử khuẩn phương tiện, bảo hộ lao động, chỗ làm việc, đeo khẩu trang...; xây dựng dự án đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong quản lý, điều hành hoạt động theo hướng tự động theo dõi hành trình, trả phí cầu đường, mua xăng, dầu, trả lương thưởng qua thẻ.

*Về lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:* cần nghiên cứu, đánh giá lại nhu cầu, dịch vụ của thị trường để tái cơ cấu lại ngành hàng, sản phẩm phù hợp với tình hình mới; xây dựng kế hoạch, dự án đầu tư dài hạn cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ

theo hướng ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu mới và có thể thay thế con người trong các công đoạn, việc làm dễ lây nhiễm bệnh.

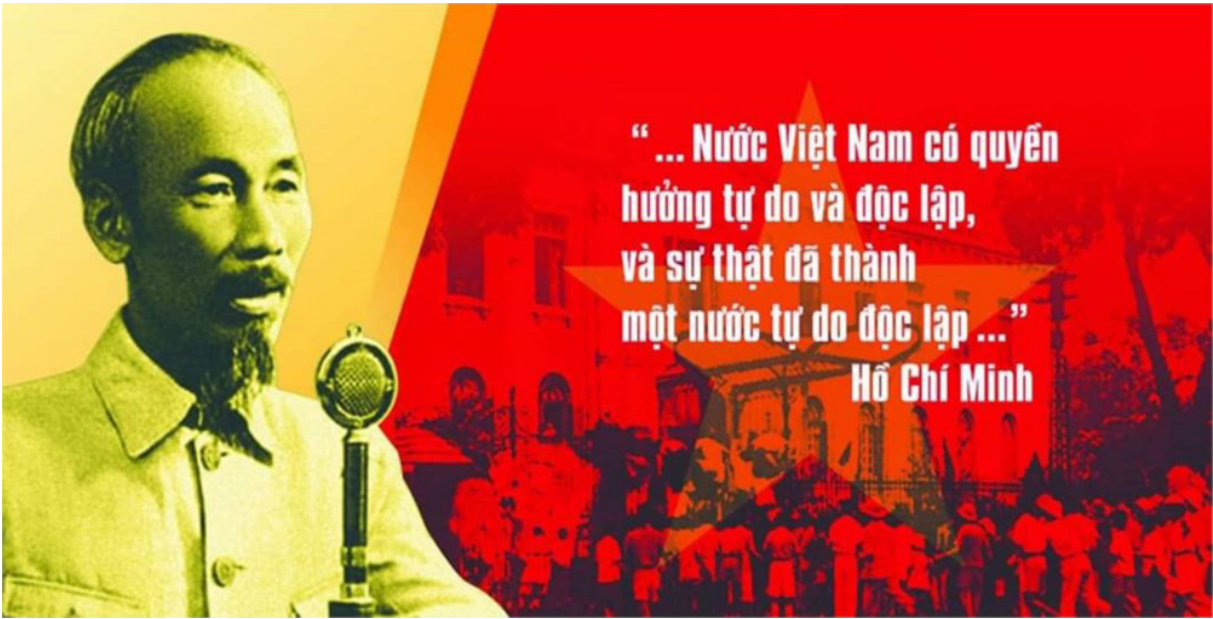
*Về lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu:* nghiên cứu, xây dựng các dự án đầu tư, nâng cấp cơ sở dự trữ, kho, bãi, cơ sở chế biến, giới thiệu sản phẩm, tiêu thụ hàng hóa... sẵn sàng ứng phó khi dịch có thể bùng phát trở lại vẫn có thể đáp ứng đủ hàng hóa cung ứng cho thành viên và thị trường; tăng cường ứng dụng công nghệ bán hàng online, trao đổi trực tuyến thay vì tập trung theo phương thức truyền thống.

*Về lĩnh vực tài chính, tín dụng:* cần rà soát lại các khoản vay đã đến hạn thanh toán, các nguồn lực tài chính khác để đáp ứng nhu cầu vốn cho các thành viên và khách hàng có thể tăng đột biến sau khi đại dịch Covid-19 kết thúc do nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh tăng mạnh trở lại; nghiên cứu, triển khai các hình thức kinh doanh dịch vụ mới theo hướng giao tiếp với khách hàng bằng công nghệ tự động, thanh toán qua thẻ thay vì dùng tiền mặt như vậy vừa giảm số lượng lao động trực tiếp nhưng vẫn tăng tính hiệu quả trong hoạt động dịch vụ tín dụng.

Phát triển kinh tế tập thể trở thành một thành phần kinh tế quan trọng thực sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Đảng, Nhà nước và Tỉnh nhà đã có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 để ổn định và tổ chức lại sản xuất kinh doanh. Đây là thời cơ để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thời gian nhìn lại mình, tự đánh giá năng lực đội ngũ các bộ quản lý, điều hành, xử lý khi có “sự cố” như đại dịch xảy ra và đánh giá lại sự phối hợp, hợp tác của các thành viên, đối tác và người lao động. Đại dịch Covid-19 kết thúc thì nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ sẽ bùng nổ sau một thời gian bị dồn nén nhất là các ngành, lĩnh vực như vận tải, du lịch, nhà hàng ăn uống, thương mại dịch vụ khác có nhiều cơ hội nhất. Cần xây dựng và thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ để các đơn vị kinh tế tập thể phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững; nâng cao vai trò, vị trí của kinh tế tập thể trong nền kinh tế, góp phần giữ vững an ninh chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh./.

**\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở**





## **CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

*ThS Kiều Hoài Sơn\**

Năm 1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, từng bước biến nước ta từ một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Nhân dân ta với tinh thần yêu nước sâu sắc và chí căm thù giặc sôi sục đã đứng lên chống thực dân Pháp. Nhưng các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại vì chưa có một đường lối đúng đắn; lãnh đạo khởi nghĩa là các sĩ phu văn thân với ý thức hệ phong kiến không còn phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử.

Sang đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước chống

thực dân Pháp của nhân dân ta chuyển sang xu hướng dân chủ tư sản. Tiêu biểu cho xu hướng này có các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy Tân... Phong trào đấu tranh yêu nước, chống thực dân Pháp giành lại độc lập lần lượt thất bại, cách mạng Việt Nam rơi vào bế tắc khủng hoảng con đường cứu nước như đêm tối không có đường ra. Trong bối cảnh đó người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh đã nung nấu quyết tâm tìm một con đường mới để cứu nước, giải phóng dân tộc. Sau này Người nhớ lại: “Tôi muốn

đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”<sup>(1)</sup>.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với con đường cứu nước trong thời đại mới và khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>(2)</sup>.

Từ đó Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của một chính đảng cách mạng chân chính ở

Việt Nam. Năm 1930, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Thông qua Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt, Đảng ta khẳng định: «Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản»<sup>(3)</sup> với nhiệm vụ đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc. Khẩu hiệu đấu tranh xuyên suốt tiến trình giành độc lập của dân tộc ta đó là độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Như vậy, ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã xác định đúng mục tiêu, khát vọng của cả dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc. Mục tiêu đó trở thành ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng nhân dân trong cả nước đứng lên cứu nước, giải phóng dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân ta đã tiến hành 3 phong trào cách mạng rộng lớn, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Khát vọng độc lập của nhân dân ta đã được chính Hồ Chí Minh đúc kết bằng câu nói bất hủ: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Dưới ngọn cờ độc lập dân tộc lấy sức ta mà giải phóng cho ta, Đảng ta đã tập hợp và phát huy được sức mạnh của khối

đại đoàn kết toàn dân tộc, làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã biến khát vọng độc lập của nhân dân ta đã trở thành hiện thực. Ngày 2/9/1945, thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với cả thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”<sup>(4)</sup>.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng 8 năm 1945, nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ tại Việt Nam, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế hơn 1000 năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng thời, Cách mạng Tháng Tám thành công khẳng định vị thế lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với sứ mệnh giải phóng dân tộc.

Đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra bước ngoặt vĩ đại của cách mạng, đưa dân

tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước. Đánh giá về ý nghĩa lớn lao của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta”<sup>(5)</sup>.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của ý chí độc lập tự chủ, tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam và là thắng lợi vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ thắng lợi to lớn đó, đã cổ vũ nhân dân ta kiên cường đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 lịch sử.

Đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi là tấm gương, là nguồn cổ vũ cho các dân tộc thuộc địa trên thế giới đứng lên giành độc lập.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã chứng minh một chân lý của thời đại: các dân tộc bị áp bức, bị xâm lược nếu có ý chí kiên cường và đường lối đúng đắn, sáng tạo, biết đoàn kết đấu tranh vì độc lập, tự do và biết tranh thủ sức mạnh của thời đại thì dân tộc đó nhất định thắng lợi.

75 năm đã trôi qua nhưng tầm vóc ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám vẫn còn nguyên giá trị. Đó là một trong những trang chói lọi nhất trong lịch sử của dân tộc ta, một dấu mốc lớn trên con đường phát triển trong suốt chiều dài mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”<sup>(6)</sup>

Hơn 30 năm đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, khát vọng độc lập, tinh thần bất diệt của Cách mạng Tháng Tám luôn là nguồn lực hun đúc ý chí quyết tâm,

nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta. Nhờ đó, đất nước đã chuyển mình, vươn lên, đời sống của nhân dân ngày càng cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững; dân chủ xã hội được phát huy; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, uy tín, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục phát triển với những triển vọng tốt đẹp.

Trong bối cảnh mới hiện nay để tiếp tục phát huy thành quả của cách mạng tháng Tám toàn Đảng, toàn dân không ngừng chăm lo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa; tích cực đấu tranh đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tập trung chuẩn bị thật tốt đại

hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tinh thần Cách mạng Tháng Tám bất diệt, khát vọng độc lập hùng cường của dân tộc là nguồn sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới, giúp chúng ta quyết tâm bảo vệ vững chắc thành quả của sự nghiệp đổi mới, kiên định con đường chủ nghĩa xã hội, thực hiện thành công mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội dân chủ công bằng văn minh./.

### Tài liệu tham khảo

1. Báo *Nhân dân*, ngày 18-5-1965.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H2011, t12, tr.30
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 1998, t.2, tr.2.
4. Hồ Chí Minh: toàn tập, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tập 4, H2011, tr3.
5. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr.25.
6. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, tr.159.

**\* Trưởng khoa Xây dựng Đảng**

## **CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 THÀNH CÔNG - MỐC SON CHÓI LỢI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM**

*ThS Ngô Thị Thu Hằng\**

**C**ách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ đây, đất nước, xã hội, dân tộc và con người Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Thời gian đã lùi xa nhưng tầm vóc, ý nghĩa thắng lợi, bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng tỏa sáng. Đó là một trong những trang chói lọi nhất trong lịch sử dân tộc ta, dấu mốc lớn trên con đường phát triển trong suốt chiều dài mấy nghìn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra bước ngoặt lớn của cách mạng, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Nhân kỷ niệm 75 năm ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công (19/8/1945 - 19/8/2020) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2020) chúng ta hãy cùng nhau ôn lại trang sử hào hùng, truyền thống vẻ vang, lòng tự hào dân tộc Việt Nam. Tháng Tám năm 1945, chớp thời cơ chiến lược “ngàn năm có một”, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa

giành chính quyền trong cả nước, dựng lên một mốc son chói lọi trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

### **1. Bối cảnh lịch sử và diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945**

Đầu tháng 8 năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai đi đến những ngày cuối cùng. Sau khi tiêu diệt hoàn toàn phát xít Đức và chấm dứt chiến sự ở châu Âu, các nước trong phe Đồng minh (đứng đầu là Mỹ và Liên Xô) dồn sức tiêu diệt phát xít Nhật ở châu Á, buộc chính phủ Nhật hoàng phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện (13/8/1945). Tin tức đầu hàng nhanh chóng lan đi khắp mặt trận. Quân đội Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, mất tinh thần chiến đấu, chính phủ bù nhìn hoang mang cực độ. Không khí cách mạng sục sôi trong cả nước. Theo sự thỏa thuận của các nước Đồng minh thắng trận, quân đội Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa dân quốc) sẽ tiến vào miền Bắc Việt Nam, quân đội Anh sẽ vào miền Nam Việt Nam (lấy vĩ tuyến 16 phân chia) làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, nhưng thực chất đều muốn thực hiện ý định tiêu diệt lực lượng cách mạng và Đảng Cộng sản Đông Dương, thành lập chính quyền tay sai phục vụ mưu đồ cai trị, nô dịch của chúng.

Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình, từ ngày 13-15/8/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào (Tuyên Quang), nhận định thời cơ đã đến, quyết định phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để kịp thời chỉ đạo thống nhất phong trào khởi nghĩa các địa phương. Tiếp đó, Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (ngày 16/8/1945), bao gồm



đại biểu của ba xứ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) đại diện cho các giới, các đoàn thể, các dân tộc, tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân. Đại hội nhất trí tán thành quyết định tổng khởi nghĩa, bầu Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (Chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, thông qua một số chính sách quan trọng của Mặt trận Việt Minh. Chiều 16/8/1945, thực hiện lệnh của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, một đội quân cách mạng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng Thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước.

Từ ngày 14 đến ngày 18/8/1945, nhiều địa phương tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, căn cứ vào tình hình thực tiễn đã kịp thời, chủ động, sáng tạo, linh hoạt nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam (ngày 18/8/1945). Tại Hà Nội, ngày 19/8/1945, theo lời kêu gọi nổi dậy khởi nghĩa của Mặt trận Việt Minh, đồng bào rầm rập kéo đến quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh trong tiếng hát “Tiến quân ca” và cờ đỏ sao vàng, trước khí thế trào dâng như “bão táp” của quần chúng, quân đội Nhật và chính quyền bù nhìn không dám chống lại. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội có tác dụng cổ vũ to lớn phong trào cả nước. Ngày 23/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Trung Kỳ và Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế, nhân dân ta nổi dậy làm chủ thành phố Huế - kinh đô hàng trăm năm của chế độ phong kiến triều Nguyễn và là thủ phủ của chính quyền bù nhìn trung ương - Vua Bảo Đại buộc phải thoái vị. Ngày 25/8/1945, Xứ ủy Nam Kỳ đã lãnh đạo nhân dân Sài Gòn giành quyền làm chủ, đánh đổ thành lũy cuối cùng của chế độ thực dân. Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Trong vòng nửa tháng (từ 14 - 28/8/1945), cuộc Tổng khởi nghĩa thành

công hoàn toàn. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam, chính quyền cả nước thuộc về tay nhân dân.

Ngày 2/9/1945, tại vườn hoa Ba Đình lịch sử, trước hàng chục vạn đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đồng thời trình trọng tuyên bố với thế giới: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy.

### 2. Ý nghĩa lịch sử

75 năm đã trôi qua, chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn về tầm vóc, ý nghĩa lịch sử trọng đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trước hết, thắng lợi ấy đã đập tan hai tầng xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa thực dân Pháp kéo dài hơn 80 năm và phát xít Nhật gần 5 năm, rửa được cái nhục và nỗi đau mất nước kéo dài gần một thế kỷ; đồng thời lật nhào chế độ phong kiến tồn tại cả ngàn năm, đưa Việt Nam từ vị trí là một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ cộng hòa, đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ thành người dân độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây thực sự là bước nhảy vọt trong lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt Nam.

Đối với thế giới, Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự đấu tranh giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân. Thắng lợi ấy cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng thế giới sau Chiến tranh thế giới

thứ hai, nhất là phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đặc biệt là nhân dân châu Á và châu Phi.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 là kết quả hợp thành từ rất nhiều nhân tố: Đó là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh; tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp đảng bộ địa phương trong thời khắc “xoay bản lề” của lịch sử. Đó còn là sức mạnh từ truyền thống yêu nước nồng nàn của dân tộc Việt Nam được hun đúc từ ngàn đời, sẵn sàng kết thành một làn sóng mạnh mẽ, to lớn nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Mặt khác, cách mạng diễn ra thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu cũng nhờ có hoàn cảnh quốc tế thuận lợi khi quân Đồng minh đánh tan phát xít Đức - Nhật, mở ra thời cơ cho nhân dân Việt Nam khởi nghĩa. Nhưng nhân tố bao trùm quyết định nhất chính là sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chiến lược, sách lược cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, thời cơ đến kiên quyết, kịp thời phát lệnh tổng khởi nghĩa thành công.

### 3. Bài học kinh nghiệm

Cách mạng Tháng Tám 1945 để lại cho cách mạng Việt Nam nhiều bài học kinh nghiệm quý báu: Đó là bài học về khơi dậy và phát huy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước, trên cơ sở đó xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân để thực hiện yêu cầu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Bài học về củng cố căn cứ địa, xây dựng lực lượng cách mạng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kỳ, tích cực chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng cho tổng khởi nghĩa. Bài học về nắm chắc mọi diễn biến tình hình, trên cơ sở đó nhạy bén phát hiện thời cơ, kịp thời chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa giành thắng lợi. Bài học về không ngừng chăm lo bồi dưỡng, giáo dục phát huy cao độ tính sáng

tạo, chủ động, tự lực, tự cường của quần chúng nhân dân. Những bài học đó đã được Đảng ta chắt lọc, vận dụng sáng tạo trong giai đoạn cách mạng về sau.

Phát huy tinh thần và những giá trị của Cách mạng Tháng Tám trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, chúng ta cần tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt một số nhiệm vụ quan trọng: Kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; tranh thủ thời cơ thuận lợi, chủ động khắc phục khó khăn, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đã 75 năm trôi qua (19/8/1945 - 19/8/2020) nhưng mùa thu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mãi là niềm tự hào của Đảng, của quân và dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

---

### Tài liệu tham khảo

1. ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2000, t2, tr2
2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 1996, t4, tr4
3. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nxb Sự thật, HN, 1971, tr80.

\* *Giảng viên khoa Xây dựng Đảng*

## **MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2020**

*ThS Cao Trọng Tuệ\**  
*ThS Lê Viết Lâm*

**T**ính đến tháng 9 năm 2020, Trường Chính trị Lâm Đồng đã phân đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị do Tỉnh ủy và UBND tỉnh giao. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các sở, ban, ngành cũng như của Học viện và các địa phương, các cơ sở liên kết đào tạo.

Tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, viên chức, người lao động trong toàn trường luôn đoàn kết, thống nhất, đề cao tinh thần trách nhiệm quyết tâm thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, với kết quả đạt được như sau:

### ***Thứ nhất, về công tác đào tạo, bồi dưỡng***

Tổng số lớp học theo kế hoạch được giao năm 2020 là: 73 lớp với 6.270 học viên. Trong đó số lớp đã thực hiện đến tháng 9/2020 (bao gồm trong kế hoạch và liên kết đào tạo): 53 lớp với 4.202 học viên (đạt 73,6% kế hoạch đề ra), cụ thể:

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao: 37 lớp với 2.911 học viên;
- + Cao cấp LLCT, Đại học: 03 lớp, 243 học viên;
- + Trung cấp LLCT-HC, hệ tập trung: 06 lớp, 278 học viên;
- + Trung cấp LLCT-HC, hệ không tập trung (Tại trường): 06 lớp, 513 học viên;
- + Bồi dưỡng theo ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: 03 lớp, 164 học viên;
- + Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 04 lớp, 253 học viên;
- + Bồi dưỡng ngắn hạn: 15 lớp, 1460 học viên.

- Các lớp liên kết tại huyện và xã hội hoá là: 16 lớp, với 1.291 học viên

+ Trung cấp LLCT-HC, hệ không tập trung (Tại huyện): 09 lớp, 689 học viên;

+ Bồi dưỡng tại huyện (Chuyên viên, chuyên viên chính, lãnh đạo, quản lý cấp phòng): 06 lớp, 568 học viên;

+ Các lớp liên kết theo hình thức xã hội hóa: 01 lớp, 34 học viên.

### ***Thứ hai, về hoạt động nghiên cứu khoa học***

**Đề tài nghiên cứu khoa học:** Nghiệm thu và đưa vào áp dụng 01 đề tài khoa học cấp cơ sở “Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng”. Tiếp tục triển khai thực hiện 02 đề tài khoa học cấp cơ sở.

**Công tác biên soạn, xuất bản:** Nghiệm thu 03 tài liệu: Bồi dưỡng về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính; Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Hội Nông dân cơ sở;

Biên tập và xuất bản 02 số Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”: Số 61, 62.

**Hội thảo khoa học:** Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức Tọa đàm khoa học cấp tỉnh “Bác Hồ - Nin tin sắc son” nhân kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Biên tập 01 Kỷ yếu khoa học kỷ niệm 150 năm Ngày sinh của V.I. Lênin.

Ngoài ra, Nhà trường tổ chức thành công Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường lần thứ VII năm 2020 vào tháng 3/2020./.

---

**\* Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học**



# Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Lâm Đồng nhiệm kỳ 2020 - 2025.



Tọa đàm khoa học “Bác Hồ - Niềm tin sắt son” nhân kỷ niệm 130 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020).



Đoàn cán bộ, viên chức Nhà trường tham gia Hội thao Cụm thi đua số 7 - Khối các Trường Chính trị khu vực Tây Nguyên.



**NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP  
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG**



**ĐẠI HỘI**

**XIII**